

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: *3191* /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày *10* tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thông qua Phương án đơn giản hóa các quy định hành chính,
thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ Hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Kế hoạch số 1155/KH-UBND ngày 06/01/2021 của UBND tỉnh về việc rà soát, đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính năm 2021;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số: 2417/TTr-VP ngày 07 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua Phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách 120 thủ tục hành chính, quy định hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (*Phụ lục danh mục và nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định hành chính đính kèm theo*).

Điều 2. Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan đến các lĩnh vực kiến nghị đơn giản hóa nêu tại Điều 1 của Quyết định này, có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh dự thảo văn bản thực thi Phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính theo nội dung kiến nghị sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực thi Phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính của tỉnh sau khi các quy phạm pháp luật tương ứng được điều chỉnh hoặc ban hành mới phù hợp.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /v

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Bộ Xây dựng; Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính; Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Công Thương; Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Y tế; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTN, KTNS, THNC, HCTC, HCC.

CHỦ TỊCH



Cao Tiến Dũng



Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KIẾN NGHỊ ĐƠN GIẢN HÓA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3191 /QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Stt	Tên thủ tục/ Nhóm thủ tục	Nội dung đơn giản hóa	Ghi chú
I. BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP (04 thủ tục hành chính)			
1.	<i>Nhóm 03 thủ tục- Lĩnh vực Việc làm:</i> Cấp, cấp lại, gia hạn Giấy phép lao động (GPLĐ), Xác nhận người lao động nước ngoài (LĐNN) không thuộc diện cấp GPLĐ.	Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	
2.	Thủ tục Cấp Giấy phép lao động	Đơn giản hoá quy định hành chính; yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	
II. SỞ Y TẾ (20 thủ tục hành chính)			
A. Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh			
1.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	
2.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	
3.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	
4.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	
5.	Nhóm 03 thủ tục: 1. Thủ tục cho phép đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế 2. Thủ tục cho phép đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế 3. Thủ tục cho phép đội khám bệnh, chữa bệnh chủ tập đồ lưu động tổ chức khám bệnh,	Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	

Stt	Tên thủ tục/ Nhóm thủ tục	Nội dung đơn giản hóa	Ghi chú
	<i>chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế</i>		
6.	Thủ tục cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	
7.	Thủ tục cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	
8.	Thủ tục cho phép áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật mới, phương pháp mới quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 07/2015/TT-BYT thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	
B. Lĩnh vực Dược phẩm			
9.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề được (bao gồm cả trường hợp cấp chứng chỉ hành nghề được nhưng chứng chỉ hành nghề được bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ	Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	
10.	Thủ tục cấp lần đầu và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được đối với trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ được liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền)	Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	
11.	Nhóm 04 thủ tục: 1. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh được mà có thay đổi điều kiện kinh doanh; thay đổi địa điểm kinh doanh được thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ được liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền) 2. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuốc thẩm quyền của Sở Y tế 3. Thủ tục đánh giá đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc 4. Thủ tục đánh giá đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc	Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	
12.	Thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ được liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ	Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	

Stt	Tên thủ tục/ Nhóm thủ tục		Nội dung đơn giản hóa	Ghi chú
	(truyền)			
C. Lĩnh vực Y tế dự phòng				
13.	Thủ tục cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng		Giảm thời gian giải quyết	
14.	Thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	
D. Lĩnh vực Tổ chức cán bộ				
15.	Thủ tục bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	
III. SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (10 thủ tục hành chính)				
1.	Thủ tục cấp Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại		Giảm thời gian giải quyết	
2.	Thủ tục cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại		Giảm thời gian giải quyết	
3.	Thủ tục Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án		Đơn giản thành phần hồ sơ	
4.	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP)		Giảm thời gian giải quyết	
5.	Thủ tục Tinh tiến cấp quyền đối với hoạt động khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành		Giảm thời gian giải quyết	
6.	Thủ tục Cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước với lưu lượng nước dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác		Giảm thời gian giải quyết	
7.	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác		Giảm thời gian giải quyết	
8.	Thủ tục Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản		Giảm thời gian giải quyết	

Stt	Tên thủ tục/ Nhóm thủ tục	Nội dung đơn giản hóa	Ghi chú
9.	Thủ tục chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Giảm thời gian giải quyết	
10.	Thủ tục đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	Giảm thời gian giải quyết	
IV. SỔ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (15 thủ tục hành chính)			
Thủ tục hành chính cấp tỉnh			
A. Lĩnh vực văn hoá			
1.	Cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Giảm thời gian giải quyết	
B. Lĩnh vực Thể dục Thể thao			
2.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	Giảm thời gian giải quyết	
3.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	Giảm thời gian giải quyết	
4.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	Giảm thời gian giải quyết	
5.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	Giảm thời gian giải quyết	
6.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	Giảm thời gian giải quyết	
7.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	Giảm thời gian giải quyết	
8.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	Giảm thời gian giải quyết	
9.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	Giảm thời gian giải quyết	
10.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	Giảm thời gian giải quyết	

Stt	Tên thủ tục/ Nhóm thủ tục	Nội dung đơn giản hóa	Ghi chú
		quyết	
11.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	Giảm thời gian giải quyết	
C. Lĩnh vực du lịch			
12.	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	
13.	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	
14.	Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa, thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	
15.	Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa, thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	
V. SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (09 thủ tục hành chính)			
Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			
1.	Thủ tục đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	Giảm thời gian giải quyết	
2.	Thủ tục đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	Giảm thời gian giải quyết	
3.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	Giảm thời gian giải quyết	
4.	Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	Giảm thời gian giải quyết	
5.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	Giảm thời gian giải quyết	
6.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Giảm thời gian giải quyết	
7.	Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	

Stt	Tên thủ tục/ Nhóm thủ tục	Nội dung đơn giản hóa	Ghi chú
8.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	
9.	Thủ tục bỏ nhiệm giám định tư pháp	Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	
VI. SỐ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (14 thủ tục hành chính)			
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp			
1.	Thủ tục Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giảm thời gian giải quyết	
2.	Thủ tục chia, tách, sáp, nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Giảm thời gian giải quyết	
3.	Thủ tục Công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	Kiểm nghị Bãi bỏ thủ tục hành chính	
4.	Thủ tục Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào các cơ sở trợ giúp trẻ em	Kiểm nghị Bãi bỏ thủ tục hành chính	
5.	Thủ tục Nghi chịu tang của học viên tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - lao động xã hội.	Kiểm nghị sửa thủ tục hành chính	
6.	Thủ tục Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Giảm thời gian giải quyết	
7.	Thủ tục Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Giảm thời gian giải quyết	
8.	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Giảm thời gian giải quyết	
9.	Thủ tục Gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Giảm thời gian giải quyết	
10.	Giải quyết hồ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	Kiểm nghị Bãi bỏ thủ tục hành chính	
11.	Thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động	Kiểm nghị Bãi bỏ thủ	

Stt	Tên thủ tục/ Nhóm thủ tục	Nội dung đơn giản hóa thực hành chính	Ghi chú
	giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hồ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động		
12.	Thủ tục hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	Kiến nghị Bãi bỏ thủ tục hành chính	
13.	Thủ tục Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II, hạng III	Kiến nghị Bãi bỏ thủ tục hành chính	
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ			
Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội			
14.	Tên thủ tục Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	Giảm thời gian giải quyết	
VII. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (12 thủ tục hành chính)			
A. Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y			
1.	Thủ tục Cấp, cấp lại giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	
B. Lĩnh vực Lâm nghiệp			
2.	Thủ tục xác nhận bảng kê lâm sản	Giảm thời gian giải quyết	
3.	Thủ tục Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES	Giảm thời gian giải quyết	
C. Lĩnh vực Phát triển nông thôn			
4.	Công nhận nghề truyền thống	Giảm thời gian giải quyết	
5.	Công nhận làng nghề	Giảm thời gian giải quyết	
6.	Công nhận làng nghề truyền thống	Giảm thời gian giải quyết	

Tên thủ tục/ Nhóm thủ tục		Nội dung đơn giản hóa	Ghi chú
D. Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản			
7.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản		
Đ. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật			
8.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật: Thời hạn giải quyết là 18 ngày (Quy định của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết Định số Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28/02/2019) là 21 ngày làm việc)	Giảm thời gian giải quyết	
9.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật: Thời hạn giải quyết là 18 ngày (Quy định của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết Định số Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28/02/2019) là 21 ngày làm việc)	Giảm thời gian giải quyết	
E. Lĩnh vực Thủy sản			
10.	Thủ tục Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	Giảm thời gian giải quyết	
11.	Thủ tục Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)	Giảm thời gian giải quyết	
G. Lĩnh vực Thủy lợi			
12.	Thủ tục cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Giảm thời gian giải quyết	
VIII. SỞ TÀI CHÍNH (01 thủ tục hành chính)			
1.	Mua quyền hóa đơn trong lĩnh vực quản lý công sản (Mã số: 1.005434), thuộc Bộ thủ tục hành chính trên lĩnh vực Quản lý công sản (theo Quyết định số 209/QĐ-STC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính).	Giảm thời gian giải quyết	
IX. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (11 thủ tục hành chính)			
A. CẤP TỈNH			
Lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo			
1.	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người	Đơn giản hoá thành	

Stt	Tên thủ tục/ Nhóm thủ tục	Nội dung đơn giản hóa	Ghi chú
	khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục (đối với người khuyết tật là học sinh THPT học tại cơ sở giáo dục công lập)	phần hồ sơ	
2.	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông	Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	
3.	Thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học	Giảm thời gian giải quyết	
4.	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục	Giảm thời gian giải quyết	
5.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Giảm thời gian giải quyết	
6.	Thành lập, cho phép thành lập trường trung học công lập hoặc cho phép thành lập trường phổ thông tư thục	Giảm thời gian giải quyết	
7.	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	
8.	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	
B. CẤP HUYỆN			
Lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo			
9.	Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em	Kiến nghị Bãi bỏ thủ tục hành chính	
10.	Hỗ trợ cấp đổi với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Kiến nghị Bãi bỏ thủ tục hành chính	
11.	Hỗ trợ học tập đổi với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh THCS, sinh viên các dân tộc thiểu số ít người	Kiến nghị Bãi bỏ thủ tục hành chính	
X. SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG (06 thủ tục hành chính)			
THỦ TỤC CẤP TỈNH			
A. Lĩnh vực phát thanh truyền hình – thông tin điện tử			
1.	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Giảm thời gian giải quyết	

Sst	Tên thủ tục/ Nhóm thủ tục	Nội dung đơn giản hóa	Ghi chú
2.	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Giảm thời gian giải quyết	
3.	Lĩnh vực Bưu chính Cấp giấy phép bưu chính	Giảm thời gian giải quyết	
4.	Lĩnh vực xuất bản, in, phát hành Đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu	Đơn giản hoá thành phần hồ sơ	
THỦ TỤC CẤP HUYỆN			
A. Lĩnh vực xuất bản, in và phát hành			
5.	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	Kiến nghị bãi bỏ thủ tục hành chính	
6.	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	Kiến nghị bãi bỏ thủ tục hành chính	
XI. SỞ XÂY DỰNG (11 thủ tục hành chính)			
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
1.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C	Đơn giản hóa thành phần hồ sơ	
2.	Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	Giảm thời gian giải quyết	
3.	Thủ tục bổ nhiệm giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng	Bãi bỏ thủ tục hành chính	
4.	Thủ tục Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp xây dựng do UBND cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin	Bãi bỏ thủ tục hành chính	
5.	Thủ tục Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới Bất động sản	Bãi bỏ thủ tục hành chính	
6.	Thủ tục Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản: Do bị mất, bị rách, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng; do hết hạn (hoặc gần hết hạn)	Bãi bỏ thủ tục hành chính	
7.	Thủ tục Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây	Giảm thời gian giải	

Stt	Tên thủ tục/ Nhóm thủ tục	Nội dung đơn giản hóa	Ghi chú
	dụng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	quyết	
8.	Thủ tục Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Giảm thời gian giải quyết	
9.	Thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	Giảm thời gian giải quyết	
10.	Thủ tục thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	Giảm thời gian giải quyết	
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN			
11.	Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Giảm thời gian giải quyết	
XII. SỞ CÔNG THƯƠNG (07 thủ tục hành chính)			
1.	<i>Nhóm 03 thủ tục:</i> Cấp mới, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động điện lực các lĩnh vực: Tư vấn, giám sát chuyên ngành điện; Phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV; Bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương; Phát điện công suất đến 03 MW tại địa phương	Giảm thời gian giải quyết	
2.	<i>Nhóm 04 thủ tục:</i> Cấp mới, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp và cấp mới, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Đơn giản hóa thành phần hồ sơ	

**Phụ lục II****NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3191 /QĐ-UBND ngày 10 /9/2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)**I. BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP**

1. Nhóm 03 thủ tục, quy định hành chính: Cấp, cấp lại, gia hạn Giấy phép lao động (GPLĐ), Xác nhận người lao động nước ngoài (LĐNN) không thuộc diện cấp GPLĐ - Lĩnh vực Việc làm

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Quy định về thành phần hồ sơ: Sử dụng bản photo văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài trong hồ sơ cấp, cấp lại, gia hạn GPLĐ, Xác nhận người LĐNN không thuộc diện cấp GPLĐ (quy định là phải bản gốc hoặc bản sao có chứng thực).

Lý do: Không cần thiết vì văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai chấp thuận cho doanh nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi

Bản photo văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài: Sửa đổi quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 8, Khoản 6 Điều 9, Khoản 4 Điều 13 và Khoản 4 Điều 17, Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Bản photo văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài: Doanh nghiệp có thể sử dụng văn bản chấp thuận được nhiều lần khi nộp nhiều hồ sơ GPLĐ (nếu nộp bản gốc thì chỉ sử dụng được 1 lần cho 1 hồ sơ).

Giảm chi phí tuân thủ TTHC, cụ thể:

- Chi phí thực hiện TTHC:

+ Hiện tại: 720.000 đồng

+ Sau đơn giản hóa: 160.000 đồng

+ Tiết kiệm: 560.000 đồng.

- Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm:

+ Hiện tại: 1.224.000.000 đồng

+ Sau đơn giản hóa: 272.000.000 đồng

+ Tiết kiệm: 952.000.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 77,77%

2. Thủ tục Cấp Giấy phép lao động**2.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Đề xuất đối với quy định việc “tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục” tại Khoản 1, Điều 3, Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ, trong trường hợp người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp sẽ được hiểu là thời gian đã làm việc cho Công ty nước ngoài liên tục 12 tháng trước đó, chứ không phải là thời gian làm việc liền kề trước khi điều chuyển sang Việt Nam.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho LDNN khi xác nhận thời gian làm việc tại nước ngoài.

2.2. Kiến nghị thực thi: Quy định việc “tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục”: Khoản 1, Điều 3, Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Quy định việc “tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục”: Giúp LDNN có thể xin xác nhận thời gian làm việc dễ dàng hơn, ko bắt buộc thời gian phải liền kề (vì nếu liền kề thì khó thực hiện do có thể đã nghỉ việc).

II. SỞ Y TẾ

A. Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh

1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Về thành phần hồ sơ: Đề nghị sửa đổi yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với các chứng chỉ học phần; bản sao có chứng thực văn bằng về trình độ học vấn.

Lý do: Tiết kiệm thời gian đi lại và chi phí chứng thực cho tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ. Để xác thực bản sao thì công chức tiếp nhận và giải quyết hồ sơ chỉ cần kiểm tra, đối chiếu bản gốc với bản sao là đủ.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm a, c khoản 2 Điều 9 Thông tư số 29/2015/TT-BYT ngày 12/10/2015 của Bộ Y tế quy định cấp, cấp lại giấy chứng nhận là lương y như sau:

“a) Bản sao các chứng chỉ học phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư này (kèm bản chính để đối chiếu);

c) Bản sao văn bằng về trình độ học vấn (kèm bản chính để đối chiếu)”.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.596.125 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.380.625 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 215.500 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,85%

2. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

Về thành phần hồ sơ: Đề nghị sửa đổi yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, y học cổ truyền, trang thiết bị y tế tư nhân với phạm vi hành nghề là khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền, bắt (xem) mạch, kê đơn, bốc (hốt) thuốc.

Lý do: Tiết kiệm thời gian đi lại và chi phí chứng thực cho tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ. Để xác thực bản sao thì công chức tiếp nhận và giải quyết hồ sơ chỉ cần kiểm tra, đối chiếu bản gốc với bản sao là đủ.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 5 Điều 9 Thông tư số 29/2015/TT-BYT ngày 12/10/2015 của Bộ Y tế quy định cấp, cấp lại giấy chứng nhận là lương y như sau:

“Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, y học cổ truyền, trang thiết bị y tế tư nhân với phạm vi hành nghề là khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền, bắt (xem) mạch, kê đơn, bốc (hốt) thuốc theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư này (kèm bản chính để đối chiếu)”.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.390.625 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.282.875 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 107.750 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2%.

3. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

Về thành phần hồ sơ: Đề nghị sửa đổi yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận tham dự các lớp bồi dưỡng về y học cổ truyền.

Lý do: Tiết kiệm thời gian đi lại và chi phí chứng thực cho tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ. Để xác thực bản sao thì công chức tiếp nhận và giải quyết hồ sơ chỉ cần kiểm tra, đối chiếu bản gốc với bản sao là đủ.

3.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm b khoản 6 Điều 9 Thông tư số 29/2015/TT-BYT ngày 12/10/2015 của Bộ Y tế quy định cấp, cấp lại giấy chứng nhận là lương y như sau:

“b) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận tham dự các lớp bồi dưỡng về y học cổ truyền (kèm bản chính để đối chiếu)”.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.172.563 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.939.313 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 233.250 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,85%.

4. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT

4.1. Nội dung đơn giản hóa:

Về thành phần hồ sơ: Đề nghị sửa đổi yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với các chứng chỉ học phần; bản sao có chứng thực bảng điểm kết quả kiểm tra cuối khóa do Hội đồng kiểm tra sát hạch của Bộ Y tế tổ chức.

Lý do: Tiết kiệm thời gian đi lại và chi phí chứng thực cho tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ. Để xác thực bản sao thì công chức tiếp nhận và giải quyết hồ sơ chỉ cần kiểm tra, đối chiếu bản gốc với bản sao là đủ.

4.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm a, b khoản 7 Điều 9 Thông tư số 29/2015/TT-BYT ngày 12/10/2015 của Bộ Y tế quy định cấp, cấp lại giấy chứng nhận là lương y như sau:

“a) Bản sao các chứng chỉ học phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư này (kèm bản chính để đối chiếu);

b) Bản sao bảng điểm kết quả kiểm tra cuối khóa do Hội đồng kiểm tra sát hạch của Bộ Y tế tổ chức theo quy định tại Thông tư số 13/1999/TT-BYT (kèm bản chính để đối chiếu)”.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.890.313 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.401.563 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 488.750 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,52%.

5. Nhóm 03 thủ tục cho phép đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo

- *Thủ tục cho phép đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế*

- *Thủ tục cho phép đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế*

- *Thủ tục cho phép đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế*

5.1. Nội dung đơn giản hóa:

Về thành phần hồ sơ: Đề nghị sửa đổi yêu cầu nộp bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của người trực tiếp tham gia khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thuộc diện phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

Lý do: Tiết kiệm thời gian đi lại và chi phí chứng thực cho tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ. Để xác thực bản sao thì công chức tiếp nhận và giải quyết hồ sơ chỉ cần kiểm tra, đối chiếu bản gốc với bản sao là đủ.

5.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm d, đ khoản 1 Điều 10 Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế quy định về khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo như sau:

“d. Bản sao chứng chỉ hành nghề của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (kèm bản chính để đối chiếu);

đ. Bản sao văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của người trực tiếp tham gia khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thuộc diện phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh (kèm bản chính để đối chiếu)”.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 17.158.750 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.518.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 4.640.750 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27,05%

6. Thủ tục cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế

6.1. Nội dung đơn giản hóa:

Về thành phần hồ sơ: Đề nghị sửa đổi yêu cầu nộp bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề; Bản sao có chứng thực giấy phép lao động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền về lao động của Việt Nam cấp đối với người hành nghề là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Lý do: Tiết kiệm thời gian đi lại và chi phí chứng thực cho tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ. Để xác thực bản sao thì công chức tiếp nhận và giải quyết hồ sơ chỉ cần kiểm tra, đối chiếu bản gốc với bản sao là đủ.

6.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm b, đ khoản 1 Điều 11 Thông tư số 35/2013/TT-BYT ngày 30/10/2013 của Bộ Y tế quy định về thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động và đình chỉ hoạt động chuyên môn của người hành nghề, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh như sau:

“b) Bản sao chứng chỉ hành nghề (kèm bản chính để đối chiếu);

đ) Bản sao giấy phép lao động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền về lao động của Việt Nam cấp đối với người hành nghề là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (kèm bản chính để đối chiếu)”.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 888.500 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 617.500 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 271.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30,5%

7. Thủ tục cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế

7.1. Nội dung đơn giản hóa:

Về thành phần hồ sơ: Đề nghị sửa đổi yêu cầu nộp bản sao có chứng thực giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Lý do: Tiết kiệm thời gian đi lại và chi phí chứng thực cho tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ. Để xác thực bản sao thì công chức tiếp nhận và giải quyết hồ sơ chỉ cần kiểm tra, đối chiếu bản gốc với bản sao là đủ.

7.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 12 Thông tư số 35/2013/TT-BYT ngày 30/10/2013 của Bộ Y tế quy định về thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động và đình chỉ hoạt động chuyên môn của người hành nghề, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh như sau:

“c) Bản sao giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (kèm bản chính để đối chiếu)”.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 966.250 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 746.875 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 219.375 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,7 %.

8. Thủ tục cho phép áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật mới, phương pháp mới quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 07/2015/TT-BYT thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế

8.1. Nội dung đơn giản hóa:

Về thành phần hồ sơ: Đề nghị sửa đổi yêu cầu nộp Bản sao có chứng thực văn bản xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cho phép cơ sở khám

bệnh, chữa bệnh của Việt Nam áp dụng phương pháp mới, kỹ thuật mới; Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và bản sao có chứng thực giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ chuyên môn của người hành nghề có liên quan đến thực hiện kỹ thuật mới, phương pháp mới; Bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển giao kỹ thuật mới, phương pháp mới trong trường hợp nhận chuyển giao từ cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

Lý do: Tiết kiệm thời gian đi lại và chi phí chứng thực cho tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ. Để xác thực bản sao thì công chức tiếp nhận và giải quyết hồ sơ chỉ cần kiểm tra, đối chiếu bản gốc với bản sao là đủ.

8.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm c khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 8 Thông tư số 07/2015/TT-BYT ngày 03/4/2015 của Bộ Y tế quy định chi tiết điều kiện, thủ tục cho phép áp dụng kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh như sau:

“Bản sao văn bản xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Việt Nam áp dụng phương pháp mới, kỹ thuật mới (kèm bản chính để đối chiếu).

4. Bản sao chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và bản sao giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ chuyên môn của người hành nghề có liên quan đến thực hiện kỹ thuật mới, phương pháp mới (kèm bản chính để đối chiếu). Đối với các văn bằng, giấy chứng nhận, chứng chỉ chuyên môn của người hành nghề do cơ sở nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5. Bản sao hợp đồng chuyển giao kỹ thuật mới, phương pháp mới trong trường hợp nhận chuyển giao từ cơ quan, tổ chức, cá nhân khác (kèm bản chính để đối chiếu)”.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.077.500 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 814.250 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 263.250 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 24,43%

B. Lĩnh vực Dược phẩm

1. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp chứng chỉ hành nghề dược nhưng chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Về thành phần hồ sơ: Đề nghị sửa đổi yêu cầu nộp Bản sao có chứng thực văn bằng chuyên môn; Bản sao có chứng thực căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu.

Lý do: Tiết kiệm thời gian đi lại và chi phí chứng thực cho tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ. Để xác thực bản sao thì công chức tiếp nhận và giải quyết hồ sơ chỉ cần kiểm tra, đối chiếu bản gốc với bản sao là đủ.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 2, khoản 6 Điều 24 Luật Dược như sau:

“2. Bản sao văn bằng chuyên môn (kèm bản chính để đối chiếu).

6. Bản sao căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (kèm bản chính để đối chiếu)”.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.228.917.250 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.135.288.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 93.629.250 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7,62%

2. Thủ tục cấp lần đầu và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

Về thành phần hồ sơ: Đề nghị sửa đổi yêu cầu nộp Bản sao chứng thực giấy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở; Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề dược của người quản lý chuyên môn về dược phù hợp với hình thức tổ chức kinh doanh.

Lý do: Tiết kiệm thời gian đi lại và chi phí chứng thực cho tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ. Để xác thực bản sao thì công chức tiếp nhận và giải quyết hồ sơ chỉ cần kiểm tra, đối chiếu bản gốc với bản sao là đủ.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm c, d khoản 1 Điều 38 Luật Dược như sau:

“c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở (kèm bản chính để đối chiếu);

d) Bản sao Chứng chỉ hành nghề dược (kèm bản chính để đối chiếu)”.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 330.547.500 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 257.715.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 72.832.500 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,03%

3. Nhóm 04 thủ tục:

- Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh được mà có thay đổi điều kiện kinh doanh; thay đổi địa điểm kinh doanh được thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)

- Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế

- Thủ tục đánh giá đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc

- Thủ tục đánh giá đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

Về thành phần hồ sơ: Đề nghị sửa đổi yêu cầu nộp Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở; Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược.

Lý do: Tiết kiệm thời gian đi lại và chi phí chứng thực cho tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ. Để xác thực bản sao thì công chức tiếp nhận và giải quyết hồ sơ chỉ cần kiểm tra, đối chiếu bản gốc với bản sao là đủ.

3.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm c, d khoản 2 Điều 38 Luật Dược như sau:

“c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở (kèm bản chính để đối chiếu);

d) Bản sao Chứng chỉ hành nghề dược (kèm bản chính để đối chiếu)”.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 28.709.750 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 26.691.500 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 2.018.250 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7,03%.

4. Thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)

4.1. Nội dung đơn giản hóa:

Về thành phần hồ sơ: Đề nghị sửa đổi yêu cầu nộp Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề dược đối với các trường hợp thay đổi vị trí công việc yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề dược; Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thay đổi trong trường hợp thay đổi tên, địa chỉ cơ sở.

Lý do: Tiết kiệm thời gian đi lại và chi phí chứng thực cho tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ. Để xác thực bản sao thì công chức tiếp nhận và giải quyết hồ sơ chỉ cần kiểm tra, đối chiếu bản gốc với bản sao là đủ.

4.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm b, c khoản 4 Điều 38 Luật Dược như sau:

“b) Bản sao Chứng chỉ hành nghề dược đối với các trường hợp thay đổi vị trí công việc yêu cầu phải có Chứng chỉ hành nghề dược (kèm bản chính để đối chiếu);

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thay đổi trong trường hợp thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở (kèm bản chính để đối chiếu)”.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 368.750 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 193.250 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 175.500 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 47,59%

C. Lĩnh vực Y tế dự phòng

1. Thủ tục cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Từ 17 (mười bảy) ngày làm việc xuống còn 14 (mười bốn) ngày làm việc.

Lý do: Giải quyết nhanh hồ sơ, giúp người có nguyện vọng làm nhân viên tiếp cận cộng đồng có thể sớm triển khai các hoạt động can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV trên địa bàn tỉnh.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm đ khoản 2 Điều 5 Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BYT-BCA ngày 20 tháng 01 năm 2010 của liên Bộ Y tế - Bộ Công an quy định việc cấp, phát, quản lý và sử dụng Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV như sau:

“đ) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS phải ban hành quyết định cấp

Thẻ cho những người được tuyển chọn làm nhân viên tiếp cận cộng đồng (theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này). Trường hợp không cấp, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do đối với từng trường hợp”.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.
- Chi phí tiết kiệm: Tiết kiệm thời gian thực hiện thủ tục
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 03 ngày làm việc

2. Thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm kháng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

Về thành phần hồ sơ: Đề nghị sửa đổi yêu cầu nộp Bản sao có chứng thực các giấy tờ chứng minh việc thay đổi tên hoặc địa điểm của cơ sở xét nghiệm HIV; Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận chuyên môn có liên quan đến xét nghiệm HIV của người phụ trách chuyên môn; Bản sao có chứng thực bản xác nhận kết quả thực hành xét nghiệm HIV đối với mẫu được xét nghiệm sau khi có sự thay đổi kỹ thuật

Lý do: Tiết kiệm thời gian đi lại và chi phí chứng thực cho tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ. Để xác thực bản sao thì công chức tiếp nhận và giải quyết hồ sơ chỉ cần kiểm tra, đối chiếu bản gốc với bản sao là đủ.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 2 Điều 11 Nghị định số 75/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện thực hiện xét nghiệm HIV như sau:

“2. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện gửi về cơ quan có thẩm quyền:

a) Hồ sơ đối với trường hợp quy định tại điểm a hoặc điểm d khoản 1 Điều này gồm: Đơn đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, bản sao các giấy tờ chứng minh việc thay đổi tên hoặc địa điểm của cơ sở xét nghiệm HIV (kèm bản chính để đối chiếu);

b) Hồ sơ đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này gồm: Đơn đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, bản sao các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận chuyên môn có liên quan đến xét nghiệm HIV của người phụ trách chuyên môn (kèm bản chính để đối chiếu);

c) Hồ sơ đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này gồm: Đơn đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, bản sao bản xác nhận kết quả thực hành xét nghiệm HIV đối với mẫu được xét nghiệm sau khi có sự thay đổi kỹ

thuật theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 5 Nghị định này (kèm bản chính để đối chiếu)".

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 281.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 173.250 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 107.750 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 38,35%

D. Lĩnh vực Tổ chức cán bộ

1. Thủ tục bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Về thành phần hồ sơ:* Đề nghị sửa đổi yêu cầu nộp Bản sao chứng thực các văn bằng, chứng chỉ theo tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên pháp y, giám định viên pháp y tâm thần.

- *Giảm số lượng hồ sơ:* Từ 02 bộ xuống 01 bộ.

Lý do: Tiết kiệm thời gian đi lại và chi phí chứng thực cho tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ. Để xác thực bản sao thì công chức tiếp nhận và giải quyết hồ sơ chỉ cần kiểm tra, đối chiếu bản gốc với bản sao là đủ.

Việc nộp 02 bộ hồ sơ gây tốn kém, lãng phí. Hiện nay, các cơ quan hành chính nhà nước đang đẩy mạnh hình thức nộp hồ sơ trực tuyến nên quy định việc nộp 01 bộ hồ sơ là phù hợp.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 3 Thông tư số 02/2014/TT-BYT ngày 15/01/2014 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần như sau:

"Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm giám định viên được làm thành 01 bộ bao gồm:

...

2. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên pháp y, giám định viên pháp y tâm thần (kèm bản chính để đối chiếu)".

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.633.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 776.500 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 856.500 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 52,45%.

III. SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Thủ tục cấp Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính 01 ngày:* Từ 15 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn 14 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- *Lý do:* Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Tài nguyên và Môi trường

1.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, phê duyệt điều chỉnh giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính tại Quyết định số 634/QĐ-BTNMT ngày 29/3/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 193.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020)¹ x 15 ngày (thời gian quy định) = 2.895.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2020: 2.895.000 đồng x 112 (hồ sơ phát sinh năm 2020)² = 324.240.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 193.000 đồng x 14 ngày = 2.702.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2020: 2.702.000 đồng x 112 = 302.624.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 2.895.000 đồng - 2.702.000 đồng = 193.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2020: 193.000 đồng x 112 = 21.616.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6.67 %.

2. Thủ tục cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- *Giảm 01 ngày, thời gian giải quyết thủ tục hành chính:* Từ 15 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn 14 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

¹ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng (22 ngày làm việc) năm 2020 theo giá hiện hành đạt khoảng 4,249 triệu đồng (theo số liệu niên giám thống kê tóm tắt của Tổng cục Thống kê công bố vào ngày 06/7/2021 trên Trang thông tin điện tử: <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/07/nien-giam-thong-ke-tom-tat-2020/>)

² Thống kê số liệu tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường trên phần mềm Một cửa điện tử (Egov) tại: <http://egov-stnmt.dongnai.gov.vn>.

- *Lý do*: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện hồ sơ, tiết kiệm chi phí thực tế khi thực hiện các công trình, dự án.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Bộ Tài nguyên và Môi trường

2.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, phê duyệt điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại Quyết định số 634/QĐ-BTNMT ngày 29/3/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 193.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020)³ x 15 ngày (thời gian quy định) = 2.895.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2020: 2.895.000 đồng x 112 (hồ sơ phát sinh năm 2020)⁴ = 324.240.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 193.000 đồng x 14 ngày = 2.702.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2020: 2.702.000 đồng x 112 = 302.624.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 2.895.000 đồng - 2.702.000 đồng = 193.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2020: 193.000 đồng x 112 = 21.616.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6.67 %.

3. Thủ tục Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Về thành phần hồ sơ: Bỏ mục “văn bản của cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án”, trong thành phần hồ sơ của thủ tục “Kiểm

³ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng (22 ngày làm việc) năm 2020 theo giá hiện hành đạt khoảng 4,249 triệu đồng (theo số liệu niên giám thống kê tóm tắt của Tổng cục Thống kê công bố vào ngày 06/7/2021 trên Trang thông tin điện tử: <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/07/nien-giam-thong-ke-tom-tat-2020/>).

⁴ Thống kê số liệu tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường trên phần mềm Một cửa điện tử (Egov) tại: <http://egov-stnmt.dongnai.gov.vn>.

tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án”

- *Lý do:* Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án, phát hành văn bản, đồng thời Sở Tài nguyên và Môi trường cũng là cơ quan thẩm định hồ sơ Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, vì vậy không cần yêu cầu doanh nghiệp nộp văn bản trên. Như vậy sẽ giảm thời gian, chi phí và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục về môi trường.

3.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị sửa đổi quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục môi trường tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

- Giảm chi phí cho doanh nghiệp.

- Chi phí hiện tại trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí hiện tại /1 hồ sơ: 3.000 đồng⁽⁵⁾ x 8 trang A4 (số trang của văn bản) đồng = 24.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng trong năm 2020: 3.000 đồng x 8 trang A4 x 27 (hồ sơ phát sinh năm 2020) = 648.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 0 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 24.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm trong năm 2020 là: 648.000 đồng.

4. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP)

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- *Giảm 03 ngày, thời gian thẩm định hồ sơ, thủ tục hành chính từ 35 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn 32 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*

⁵ Đơn giá photo trang giấy A4 tính theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 46/2018/TT-BTC ngày 14/5/2018.

- *Lý do:* Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Tài nguyên và Môi trường

3.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, phê duyệt điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại Quyết định số 1756/QĐ-UBND ngày 11/8/2020.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 193.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 35 ngày (thời gian quy định) = 6.755.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng trong năm 2020: 6.755.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 193.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 32 ngày = 6.176.000 đồng/1 hồ sơ.

Tổng cộng trong năm 2020: 6.176.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 6.755.000 đồng – 6.176.000 đồng = 579.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2020: 579.000 đồng .

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8.6%.

5. Thủ tục Tính tiền cấp quyền đối với hoạt động khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- *Giảm 03 ngày, thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 45 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn 42 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*

- *Lý do:* Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Tài nguyên và Môi trường

5.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, phê duyệt điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại Quyết định số 706/QĐ-BTNMT ngày 15/4/2021 .

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $193.000 \text{ đồng} (\text{thu nhập bình quân } 1 \text{ người}/1 \text{ ngày}/\text{năm } 2020 \times 45 \text{ ngày (thời gian quy định)}) = 8.685.000 \text{ đồng}/1 \text{ hồ sơ}.$

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $193.000 \text{ đồng} (\text{thu nhập bình quân } 1 \text{ người}/1 \text{ ngày}/\text{năm } 2020 \times 42 \text{ ngày}) = 8.106.000 \text{ đồng}/1 \text{ hồ sơ}.$

- Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $8.685.000 \text{ đồng} - 8.106.000 \text{ đồng} = 579.000 \text{ đồng}/1 \text{ hồ sơ}.$

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,7%.

6. Thủ tục Cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước với lưu lượng nước dưới $3.000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới $3.000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm đối với các hoạt động khác

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm 15 ngày, thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 45 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn 24 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Tài nguyên và Môi trường

6.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, phê duyệt điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại Quyết định 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $193.000 \text{ đồng} (\text{thu nhập bình quân } 1 \text{ người}/1 \text{ ngày}/\text{năm } 2020 \times 45 \text{ ngày (thời gian quy định)}) = 8.685.000 \text{ đồng}/1 \text{ hồ sơ}.$

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $193.000 \text{ đồng} \times 24 \text{ ngày} = 4.632.000 \text{ đồng}/1 \text{ hồ sơ}.$

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $8.685.000 \text{ đồng} - 4.632.000 \text{ đồng} = 4.053.000 \text{ đồng}/1 \text{ hồ sơ}.$

+ Chi phí tiết kiệm năm 2020: $4.053.000 \text{ đồng} \times 124 = 574.368.000 \text{ đồng}/\text{năm}$

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 46.7%.

7. Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m³/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm đối với các hoạt động khác

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- *Giảm 03 ngày, thời gian giải quyết thủ tục hành chính* từ 35 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn 22 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- *Lý do:* Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Tài nguyên và Môi trường

7.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, phê duyệt điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 193.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 35 ngày (thời gian quy định) = 6.755.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

- Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 193.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 22 ngày = 4.246.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

- + Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 6.755.000 đồng – 4.246.000 đồng = 2.509.000 đồng/1 hồ sơ.

- + Chi phí tiết kiệm năm 2020: 2.509.000 đồng x 92 = 230.828.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37,1%.

8. Thủ tục Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- *Giảm 01 ngày, thời gian giải quyết thủ tục hành chính* từ 45 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn 44 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- *Lý do:* Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Bộ Tài nguyên và Môi trường

8.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, phê duyệt điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017, 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 193.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 45 ngày (thời gian quy định) = 8.685.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 193.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 44 ngày = 8.492.000 đồng/1 hồ sơ..

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 8.685.000 đồng – 8.492.000 đồng = 193.000 đồng/1 hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,2%.

9. Thủ tục chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản

9.1. Nội dung đơn giản hóa

- *Giảm 03 ngày, thời gian giải quyết thủ tục hành chính* từ 50 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn 47 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- *Lý do*: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Bộ Tài nguyên và Môi trường

9.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, phê duyệt điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 193.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020) x 50 ngày (thời gian quy định) = 9.650.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 193.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 47 ngày = 9.071.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $9.650.000 \text{ đồng} - 9.071.000 \text{ đồng} = 579.000 \text{ đồng/1 hồ sơ}$.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,0%.

10. Thủ tục đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch

10.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm 02 ngày, thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 57 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn 55 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Tài nguyên và Môi trường

10.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, phê duyệt điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $193.000 \text{ đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020} \times 57 \text{ ngày (thời gian quy định)} = 11.001.000 \text{ đồng/1 hồ sơ}$.

+ Tổng cộng trong năm 2020: $11.001.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ (hồ sơ phát sinh năm 2020)} = 22.002.000 \text{ đồng}$.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $193.000 \text{ đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020} \times 55 \text{ ngày} = 10.615.000 \text{ đồng/1 hồ sơ}$.

+ Tổng cộng trong năm 2020: $10.615.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ (hồ sơ phát sinh năm 2020)} = 22.230.000 \text{ đồng}$.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $11.001.000 \text{ đồng} - 10.615.000 \text{ đồng} = 386.000 \text{ đồng/1 hồ sơ}$.

+ Chi phí tiết kiệm trong năm 2020 là: $386.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ (hồ sơ phát sinh năm 2020)} = 772.000 \text{ đồng}$

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,5%.

IV. SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Thủ tục hành chính cấp tỉnh

A. Lĩnh vực văn hoá

1. Cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm 02 ngày, thời gian giải quyết thủ tục:* Từ không quá 10 ngày xuống còn không quá 08 ngày.

- *Lý do:* Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Giảm thời gian thực hiện 02 ngày “Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử”, thời gian thực hiện 08 ngày.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020)⁶ x 10 ngày (thời gian quy định) = 2.550.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2020: 2.550.000 đồng x 2 (hồ sơ phát sinh năm 2020)⁷ = 5.100.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng x 8 ngày = 2.040.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2020: 2.040.000 đồng x 2 = 4.080.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 2.550.000 - 2.040.000 = 510.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2020: 510.000 đồng x 2 = 1.020.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

B. Lĩnh vực Thể dục Thể thao

2. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm 01 ngày, thời gian giải quyết thủ tục:* Từ không quá 07 ngày

⁶ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2020 theo giá hiện hành đạt khoảng 5,621 triệu đồng/tháng (theo Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020) của Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020.

⁷ Thống kê số liệu tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính năm 2020 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trên phần mềm Một cửa điện tử (Egov) tại: <https://egov-svhttdl.dongnai.gov.vn/>

xuống còn không quá 06 ngày.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Giảm thời gian thực hiện 01 ngày “Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử”, thời gian thực hiện 06 ngày.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020)⁸ x 7 ngày (thời gian quy định) = 1.785.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2020: 1.785.000 đồng x 14 (hồ sơ phát sinh năm 2020)⁹ = 24.990.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng x 6 ngày = 1.530.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2020: 1.530.000 đồng x 14 = 21.420.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 1.785.000 - 1.530.000 = 255.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2020: 255.000 đồng x 14 = 3.570.000 đồng/năm.

3. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay.

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

- **Giảm 01 ngày, thời gian giải quyết thủ tục:** Từ không quá 07 ngày xuống còn không quá 6 ngày.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

3.2. Kiến nghị thực thi:

Giảm thời gian thực hiện 1 ngày “Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử”, thời gian thực hiện 06 ngày.

3.3.. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

⁸ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2020 theo giá hiện hành đạt khoảng 5,621 triệu đồng/tháng (theo Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020) của Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020.

⁹ Thống kê số liệu tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính năm 2020 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trên phần mềm Một cửa điện tử (Egov) tại: <https://egov-svhttdl.dongnai.gov.vn/>

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020)¹⁰ x 7 ngày (thời gian quy định) = 1.785.000 đồng/1 hồ sơ.
- + Tổng cộng năm 2020: 1.785.000 đồng x 1 (hồ sơ) = 1.785.000 đồng
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng x 6 ngày = 1.530.000 đồng/1 hồ sơ.
- + Tổng cộng năm 2020: 1.530.000 đồng x 1 = 1.530.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm:
- + Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 1.785.000 - 1.530.000 = 255.000 đồng/1 hồ sơ.
- + Chi phí tiết kiệm năm 2020: 255.000 đồng x 1 = 255.000 đồng/năm.

4. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao.

4.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm 01 ngày, thời gian giải quyết thủ tục:* Từ không quá 07 ngày xuống còn không quá 6 ngày.
- *Lý do:* Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

4.2. Kiến nghị thực thi:

Giảm thời gian thực hiện 1 ngày “Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử”, thời gian thực hiện 06 ngày.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020)¹¹ x 7 ngày (thời gian quy định) = 1.785.000 đồng/1 hồ sơ.
- + Tổng cộng năm 2020: 1.785.000 đồng x 1 (hồ sơ) = 1.785.000 đồng
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng x 6 ngày = 1.530.000 đồng/1 hồ sơ.
- + Tổng cộng năm 2020: 1.530.000 đồng x 1 = 1.530.000 đồng

¹⁰ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2020 theo giá hiện hành đạt khoảng 5,621 triệu đồng/tháng (theo Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020) của Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020.

¹¹ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2020 theo giá hiện hành đạt khoảng 5,621 triệu đồng/tháng (theo Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020) của Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $1.785.000 - 1.530.000 = 255.000$ đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2020: $255.000 \text{ đồng} \times 1 = 255.000$ đồng/năm.

5. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ.

5.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm 01 ngày, thời gian giải quyết thủ tục:* Từ không quá 07 ngày xuống còn không quá 6 ngày.

- *Lý do:* Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

5.2. Kiến nghị thực thi: Giảm thời gian thực hiện 1 ngày “Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử”, thời gian thực hiện 06 ngày.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $255.000 \text{ đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020)}^{12} \times 7 \text{ ngày (thời gian quy định)} = 1.785.000 \text{ đồng/1 hồ sơ.}$

+ Tổng cộng năm 2020: $1.785.000 \text{ đồng} \times 1 \text{ (hồ sơ)} = 1.785.000 \text{ đồng}$

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $255.000 \text{ đồng} \times 6 \text{ ngày} = 1.530.000 \text{ đồng/1 hồ sơ.}$

+ Tổng cộng năm 2020: $1.530.000 \text{ đồng} \times 1 = 1.530.000 \text{ đồng}$

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $1.785.000 - 1.530.000 = 255.000$ đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2020: $255.000 \text{ đồng} \times 1 = 255.000$ đồng/năm.

6. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness.

6.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm 01 ngày, thời gian giải quyết thủ tục:* Từ không quá 07 ngày xuống còn không quá 6 ngày.

- *Lý do:* Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

¹² Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2020 theo giá hiện hành đạt khoảng 5,621 triệu đồng/tháng (theo Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020) của Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020.

6.2. Kiến nghị thực thi: giảm thời gian thực hiện 1 ngày “Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử”, thời gian thực hiện 06 ngày.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020)¹³ x 7 ngày (thời gian quy định) = 1.785.000 đồng/1 hồ sơ.
- + Tổng cộng năm 2020: 1.785.000 đồng x 1 (hồ sơ) = 1.785.000 đồng
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng x 6 ngày = 1.530.000 đồng/1 hồ sơ.
- + Tổng cộng năm 2020: 1.530.000 đồng x 1 = 1.530.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm:
- + Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 1.785.000 – 1.530.000 = 255.000 đồng/1 hồ sơ.
- + Chi phí tiết kiệm năm 2020: 255.000 đồng x 1 = 255.000 đồng/năm.

7. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam.

7.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm 01 ngày, thời gian giải quyết thủ tục:* Từ không quá 07 ngày xuống còn không quá 6 ngày.
- *Lý do:* Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

7.2. Kiến nghị thực thi: Giảm thời gian thực hiện 1 ngày “Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử”, thời gian thực hiện 06 ngày.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020)¹⁴ x 7 ngày (thời gian quy định) = 1.785.000 đồng/1 hồ sơ.

¹³ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2020 theo giá hiện hành đạt khoảng 5,621 triệu đồng/tháng (theo Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020) của Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020.

¹⁴ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2020 theo giá hiện hành đạt khoảng 5,621 triệu đồng/tháng (theo Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020) của Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020.

+ Tổng cộng năm 2020: 1.785.000 đồng x 4 (hồ sơ phát sinh năm 2020)¹⁵
= 7.140.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng x 6 ngày = 1.530.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2020: 1.530.000 đồng x 4 = 6.120.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 1.785.000 - 1.530.000 = 255.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2020: 255.000 đồng x 4 = 1.020.000 đồng/năm.

8. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá.

8.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm 01 ngày, thời gian giải quyết thủ tục:* Từ không quá 07 ngày xuống còn không quá 6 ngày.

- *Lý do:* Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

8.2. Kiến nghị thực thi: Giảm thời gian thực hiện 1 ngày “Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử”, thời gian thực hiện 06 ngày.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020)¹⁶ x 7 ngày (thời gian quy định) = 1.785.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2020: 1.785.000 đồng x 2 (hồ sơ phát sinh năm 2020)¹⁷
= 3.570.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng x 6 ngày = 1.530.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2020: 1.530.000 đồng x 2 = 3.060.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm:

¹⁵ Thống kê số liệu tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính năm 2020 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trên phần mềm Một cửa điện tử (Egov) tại: <https://egov-svhttdl.dongnai.gov.vn/>

¹⁶ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2020 theo giá hiện hành đạt khoảng 5,621 triệu đồng/tháng (theo Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020) của Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020.

¹⁷ Thống kê số liệu tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính năm 2020 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trên phần mềm Một cửa điện tử (Egov) tại: <https://egov-svhttdl.dongnai.gov.vn/>

- + Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $1.785.000 - 1.530.000 = 255.000$ đồng/1 hồ sơ.
- + Chi phí tiết kiệm năm 2020: $255.000 \text{ đồng} \times 2 = 510.000$ đồng/năm.

9. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga.

9.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm 01 ngày, thời gian giải quyết thủ tục:* Từ không quá 07 ngày xuống còn không quá 6 ngày.
- *Lý do:* Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

9.2. Kiến nghị thực thi: Giảm thời gian thực hiện 1 ngày “Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử”, thời gian thực hiện 06 ngày.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
 - + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020)¹⁸ $\times 7$ ngày (thời gian quy định) = $1.785.000$ đồng/1 hồ sơ.
 - + Tổng cộng năm 2020: $1.785.000 \text{ đồng} \times 7$ (hồ sơ phát sinh năm 2020)¹⁹ = $12.495.000$ đồng
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:
 - + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $255.000 \text{ đồng} \times 6 \text{ ngày} = 1.530.000$ đồng/1 hồ sơ.
 - + Tổng cộng năm 2020: $1.530.000 \text{ đồng} \times 7 = 10.710.000$ đồng
- Chi phí tiết kiệm:
 - + Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $1.785.000 - 1.530.000 = 255.000$ đồng/1 hồ sơ.
 - + Chi phí tiết kiệm năm 2020: $255.000 \text{ đồng} \times 7 = 1.785.000$ đồng/năm.

10. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo.

10.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm 01 ngày, thời gian giải quyết thủ tục:* Từ không quá 07 ngày xuống còn không quá 06 ngày.
- *Lý do:* Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

¹⁸ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2020 theo giá hiện hành đạt khoảng 5,621 triệu đồng/tháng (theo Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020) của Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020.

¹⁹ Thống kê số liệu tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính năm 2020 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trên phần mềm Một cửa điện tử (Egov) tại: <https://egov-svhttdl.dongnai.gov.vn/>

10.2. Kiến nghị thực thi: Giảm thời gian thực hiện 1 ngày “Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử”, thời gian thực hiện 06 ngày.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
 - + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020)²⁰ x 7 ngày (thời gian quy định) = 1.785.000 đồng/1 hồ sơ.
 - + Tổng cộng năm 2020: 1.785.000 đồng x 1 (hồ sơ) = 1.785.000 đồng
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:
 - + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng x 6 ngày = 1.530.000 đồng/1 hồ sơ.
 - + Tổng cộng năm 2020: 1.530.000 đồng x 1 = 1.530.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm:
 - + Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 1.785.000 – 1.530.000 = 255.000 đồng/1 hồ sơ.
 - + Chi phí tiết kiệm năm 2020: 255.000 đồng x 1 = 255.000 đồng/năm.

11. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker

11.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm 01 ngày, thời gian giải quyết thủ tục:* Từ không quá 07 ngày xuống còn không quá 6 ngày.
- *Lý do:* Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

11.2. Kiến nghị thực thi: giảm thời gian thực hiện 1 ngày “Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử”, thời gian thực hiện 06 ngày.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
 - + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020)²¹ x 7 ngày (thời gian quy định) = 1.785.000 đồng/1 hồ sơ.
 - + Tổng cộng năm 2020: 1.785.000 đồng x 1 (hồ sơ) = 1.785.000 đồng

²⁰ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2020 theo giá hiện hành đạt khoảng 5,621 triệu đồng/tháng (theo Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020) của Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020.

²¹ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2020 theo giá hiện hành đạt khoảng 5,621 triệu đồng/tháng (theo Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020) của Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $255.000 \text{ đồng} \times 6 \text{ ngày} = 1.530.000 \text{ đồng/1 hồ sơ}$.
- + Tổng cộng năm 2020: $1.530.000 \text{ đồng} \times 1 = 1.530.000 \text{ đồng}$
- Chi phí tiết kiệm:
- + Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $1.785.000 - 1.530.000 = 255.000 \text{ đồng/1 hồ sơ}$.
- + Chi phí tiết kiệm năm 2020: $255.000 \text{ đồng} \times 1 = 255.000 \text{ đồng/năm}$.

C. Lĩnh vực du lịch

12. Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế.

12.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Đơn giản hoá thành phần hồ sơ:

+ Đơn giản hóa thành phần hồ sơ: Bỏ thành phần hồ sơ “*Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú*”, được thay thế bằng thẻ căn cước của công dân.

Lý do: Hiện nay, thẻ căn cước của công dân được tích hợp có mã chip và mã quét QR có thể tra cứu được thông tin chi tiết của công dân tại nơi cư trú. Do đó, việc thực hiện xác minh sơ yếu lý lịch là không phù hợp.

+ Từ “02 ảnh chân dung màu cỡ 3cm x 4cm”

Thay thế: “02 ảnh chân dung màu cỡ 3cm x 4cm có nền trắng của cá nhân được chụp trong thời gian không quá 6 tháng hoặc tệp tin ảnh màu cỡ 3cm x 4cm có nền trắng chân dung của cá nhân chụp trong thời gian không quá 6 tháng (trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến).”

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cá nhân thực hiện thủ tục không phải tốn kém chi phí trong quá trình chuẩn bị hồ sơ (thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4).

12.2. Kiến nghị thực thi:

Kiến nghị sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm đ khoản 1 Điều 60 của Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017.

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
- + Chi phí cắt giảm thành phần hồ sơ:
- *01 hồ sơ (sơ yếu lý lịch): $15.000 \text{ đồng} (\text{SYLL} + \text{ảnh } 3 \times 4)$
- *03 hồ sơ ((hồ sơ phát sinh năm 2020)²²): $03 \times 15.000 = 45.000 \text{ đồng}$
- + Chi phí chụp và in ảnh màu 3cm x 4cm:

²² Thống kê số liệu tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính năm 2020 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trên phần mềm Một cửa điện tử (Egov) tại: <https://egov-svhttdl.dongnai.gov.vn/>

*01 hồ sơ: 10.000 đồng/2 ảnh 3x4/01 hồ sơ

*03 hồ sơ (năm 2020): $3 \times 10.000 = 30.000$ đồng

+ Tổng cộng chi phí 01 hồ sơ: $15.000 + 10.000 = 25.000$

+ Tổng cộng chi phí thực hiện thủ tục hành chính năm 2020: $03 \text{ hồ sơ} \times 25.000 = 75.000$ đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí cắt giảm SYLL: 0 đồng/SYLL/01 hồ sơ

+ Chi phí cắt giảm ảnh chụp 3cm x 4cm: 0 đồng/2 ảnh/01 hồ sơ

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $25.000 - 0 = 25.000$ đồng/01 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2020: $75.000 - 0 = 75.000$ đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

13. Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa.

13.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Đơn giản hoá thành phần hồ sơ:

+ Đơn giản hóa thành phần hồ sơ: Bỏ thành phần hồ sơ “Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú”, được thay thế bằng thẻ căn cước của công dân.

Lý do: Hiện nay, thẻ căn cước của công dân được tích hợp có mã chip và mã quét QR có thể tra cứu được thông tin chi tiết của công dân tại nơi cư trú. Do đó việc thực hiện xác minh sơ yếu lý lịch là không phù hợp.

+ Từ “02 ảnh chân dung màu cỡ 3cm x 4cm”

Thay thế: “02 ảnh chân dung màu cỡ 3cm x 4cm có nền trắng của cá nhân được chụp trong thời gian không quá 6 tháng **hoặc** tệp tin ảnh màu cỡ 3cm x 4cm có nền trắng chân dung của cá nhân chụp trong thời gian không quá 6 tháng (trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến).”

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cá nhân thực hiện thủ tục không phải tốn kém chi phí trong quá trình chuẩn bị hồ sơ (thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4).

13.2. Kiến nghị thực thi:

Kiến nghị sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm đ khoản 1 Điều 60 của Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí cắt giảm thành phần hồ sơ:

*01 hồ sơ (sơ yếu lý lịch): 15.000 đồng (SYLL + ảnh 3x4)

- *17 hồ sơ ((hồ sơ phát sinh năm 2020)²³): $17 \times 15.000 = 255.000$ đồng
- + Chi phí chụp và in ảnh màu 3cm x 4cm:
- *01 hồ sơ: 10.000 đồng/2 ảnh 3x4/01 hồ sơ
- *17 hồ sơ (năm 2020): $17 \times 10.000 = 170.000$ đồng
- + Tổng cộng chi phí 01 hồ sơ: $15.000 + 10.000 = 25.000$
- + Tổng cộng chi phí thực hiện thủ tục hành chính năm 2020: $17 \text{ hồ sơ} \times 25.000 = 425.000$ đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:
- + Chi phí cắt giảm SYLL: 0 đồng/SYLL/01 hồ sơ
- + Chi phí cắt giảm ảnh chụp 3cm x 4cm: 0 đồng/2 ảnh/01 hồ sơ
- Chi phí tiết kiệm:
- + Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $25.000 - 0 = 25.000$ đồng/01 hồ sơ.
- + Chi phí tiết kiệm năm 2020: $425.000 - 0 = 425.000$ đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

14. Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa, thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế.

14.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Đơn giản hoá thành phần hồ sơ:

+ Đơn giản hóa thành phần hồ sơ: Bỏ thành phần hồ sơ “*Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú*”, được thay thế bằng thẻ căn cước của công dân.

Lý do: Hiện nay, thẻ căn cước của công dân được tích hợp có mã chip và mã quét QR có thể tra cứu được thông tin chi tiết của công dân tại nơi cư trú. Do đó việc thực hiện xác minh sơ yếu lý lịch là không phù hợp.

+ Từ “02 ảnh chân dung màu cỡ 3cm x 4cm”

Thay thế: “02 ảnh chân dung màu cỡ 3cm x 4cm có nền trắng của cá nhân được chụp trong thời gian không quá 6 tháng **hoặc** tệp tin ảnh màu cỡ 3cm x 4cm có nền trắng chân dung của cá nhân chụp trong thời gian không quá 6 tháng (trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến).”

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cá nhân thực hiện thủ tục không phải tốn kém chi phí trong quá trình chuẩn bị hồ sơ (thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4).

14.2. Kiến nghị thực thi:

²³ Thống kê số liệu tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính năm 2020 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trên phần mềm Một cửa điện tử (Egov) tại: <https://egov-svhttdl.dongnai.gov.vn/>

Kiến nghị sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm đ khoản 1 Điều 60 của Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017.

14.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
- + Chi phí cắt giảm thành phần hồ sơ:
 - * 01 hồ sơ (sơ yếu lý lịch): 15.000 đồng (SYLL + ảnh 3x4)
 - * 19 hồ sơ ((hồ sơ phát sinh năm 2020)²⁴): $19 \times 15.000 = 285.000$ đồng
- + Chi phí chụp và in ảnh màu 3cm x 4cm:
 - * 01 hồ sơ: 10.000 đồng/2 ảnh 3x4/01 hồ sơ
 - * 19 hồ sơ (năm 2020): $19 \times 10.000 = 190.000$ đồng
- + Tổng cộng chi phí 01 hồ sơ: $15.000 + 10.000 = 25.000$
- + Tổng cộng chi phí thực hiện thủ tục hành chính năm 2020: $19 \text{ hồ sơ} \times 25.000 = 475.000$ đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:
- + Chi phí cắt giảm SYLL: 0 đồng/SYLL/01 hồ sơ
- + Chi phí cắt giảm ảnh chụp 3cm x 4cm: 0 đồng/2 ảnh/01 hồ sơ
- Chi phí tiết kiệm:
- + Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $25.000 - 0 = 25.000$ đồng/01 hồ sơ.
- + Chi phí tiết kiệm năm 2020: $475.000 - 0 = 475.000$ đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

15. Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa, thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế.

15.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Đơn giản hoá thành phần hồ sơ:
- + Từ “02 ảnh chân dung màu cỡ 3cm x 4cm”

Thay thế: “02 ảnh chân dung màu cỡ 3cm x 4cm có nền trắng của cá nhân được chụp trong thời gian không quá 6 tháng **hoặc** tệp tin ảnh màu cỡ 3cm x 4cm có nền trắng chân dung của cá nhân chụp trong thời gian không quá 6 tháng (trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến).”

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cá nhân thực hiện thủ tục không phải tốn kém chi phí trong quá trình chuẩn bị hồ sơ (thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4).

15.2. Kiến nghị thực thi:

²⁴ Thống kê số liệu tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính năm 2020 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trên phần mềm Một cửa điện tử (Egov) tại: <https://egov-svhttdl.dongnai.gov.vn/>

Kiến nghị sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 63 của Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017.

15.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí chụp và in ảnh màu 3cm x 4cm:

+ 01 hồ sơ: 10.000 đồng/2 ảnh 3x4/01 hồ sơ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

Chi phí cắt giảm ảnh chụp 3cm x 4cm: 0 đồng/2 ảnh/01 hồ sơ

- Chi phí tiết kiệm: Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm dựa trên số hồ sơ phát sinh (do từ năm 2021 đã thay đổi thẻ CCCD nên trong năm 2022 sẽ có phát sinh thông tin sửa đổi và cấp lại thẻ HDVDL nội địa và quốc tế).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

V. SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ

1. Thủ tục đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Kiến nghị giảm thời gian giải quyết từ "Không quá 45 ngày làm việc" xuống còn 30 ngày làm việc.

Lý do: Nhằm rút ngắn thời gian giải quyết cho các đối tượng thực hiện thủ tục hành chính.

1.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điều 9 Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ không sử dụng ngân sách nhà nước.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.250.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.500.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3.750.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,3%.

2. Thủ tục đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

Kiến nghị giảm thời gian giải quyết từ "Không quá 45 ngày làm việc" xuống còn 30 ngày làm việc.

Lý do: Nhằm rút ngắn thời gian giải quyết cho các đối tượng thực hiện thủ tục hành chính.

2.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điều 9 Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ không sử dụng ngân sách nhà nước.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.250.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.500.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.750.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,3%.

3. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Kiến nghị giảm thời gian giải quyết từ "Không quá 15 ngày làm việc" xuống còn 10 ngày làm việc.*

- *Đơn giản hóa thành phần hồ sơ:* Bỏ thành phần hồ sơ là Sơ yếu lý lịch có xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc trước khi chuyển sang làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN).

- Bỏ các thông tin về ngày sinh, giới tính, địa chỉ thường trú và bổ sung số định danh cá nhân quy định tại Đơn đề nghị làm việc chính thức (Mẫu 9), Đơn đề nghị làm việc kiêm nhiệm (Mẫu 10) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

Lý do:

- Nhằm rút ngắn thời gian giải quyết cho các đối tượng thực hiện thủ tục hành chính.

- Có sự chồng chéo, mâu thuẫn với quy định tại mục II.3 Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ.

3.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ. Sửa đổi điểm c

khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN; Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị làm việc chính thức (Mẫu 9), Đơn đề nghị làm việc kiêm nhiệm (Mẫu 10) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.881.706 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.381.628 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 500.078 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27%.

4. Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ

4.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Kiến nghị giảm thời gian giải quyết từ "Không quá 10 ngày làm việc" xuống còn 07 ngày làm việc.

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ: Bỏ thành phần hồ sơ là Sơ yếu lý lịch có xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc trước khi chuyển sang làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN).

- Bỏ các thông tin về ngày sinh, giới tính, địa chỉ thường trú và bổ sung số định danh cá nhân quy định tại Đơn đề nghị làm việc chính thức (Mẫu 9), Đơn đề nghị làm việc kiêm nhiệm (Mẫu 10) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

Lý do:

- Nhằm rút ngắn thời gian giải quyết cho các đối tượng thực hiện thủ tục hành chính.

- Có sự chồng chéo, mâu thuẫn với quy định tại mục II.3 Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ.

4.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 10 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; Sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN; Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị làm việc chính thức (Mẫu 9), Đơn đề nghị làm việc kiêm nhiệm (Mẫu 10) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.763.412 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.881.784 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 881.628 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33%.

5. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ

5.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Kiến nghị giảm thời gian giải quyết* từ "Không quá 10 ngày làm việc" xuống còn 07 ngày làm việc.

- *Đơn giản hóa thành phần hồ sơ*: *Bỏ thành phần hồ sơ* là Sơ yếu lý lịch có xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc trước khi chuyển sang làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN).

- Bỏ các thông tin về ngày sinh, giới tính, địa chỉ thường trú và bổ sung số định danh cá nhân quy định tại Đơn đề nghị làm việc chính thức (Mẫu 9), Đơn đề nghị làm việc kiêm nhiệm (Mẫu 10) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

Lý do:

- Nhằm rút ngắn thời gian giải quyết cho các đối tượng thực hiện thủ tục hành chính.

- Có sự chồng chéo, mâu thuẫn với quy định tại mục II.3 Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ.

5.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 10 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; Sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN; Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị làm việc chính thức (Mẫu 9), Đơn đề nghị làm việc kiêm nhiệm (Mẫu 10) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.881.706 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.381.628 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 500.078 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27%.

6. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ

6.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết từ "Không quá 15 ngày làm việc" xuống còn 10 ngày làm việc.

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ: *Bỏ thành phần hồ sơ* là Sơ yếu lý lịch có xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc trước khi chuyển sang làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN).

- Bỏ các thông tin về ngày sinh, giới tính, địa chỉ thường trú và bổ sung số định danh cá nhân quy định tại Đơn đề nghị làm việc chính thức (Mẫu 9), Đơn đề nghị làm việc kiêm nhiệm (Mẫu 10) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

Lý do:

- Nhằm rút ngắn thời gian giải quyết cho các đối tượng thực hiện thủ tục hành chính.

- Có sự chồng chéo, mâu thuẫn với quy định tại mục II.3 Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ.

6.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 3 Điều 20 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ. Sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN; Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị làm việc chính thức (Mẫu 9), Đơn đề nghị làm việc kiêm nhiệm (Mẫu 10) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.881.706 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.381.628 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 500.078 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27%.

7. Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ

7.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Đơn giản hóa thành phần hồ sơ:* Bỏ thành phần hồ sơ là Sơ yếu lý lịch có xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc trước khi chuyển sang làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN).

- Bỏ các thông tin về ngày sinh, giới tính, địa chỉ thường trú và bổ sung số định danh cá nhân quy định tại Đơn đề nghị làm việc chính thức (Mẫu 9), Đơn đề nghị làm việc kiêm nhiệm (Mẫu 10) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

Lý do: Có sự chồng chéo, mâu thuẫn với quy định tại mục II.3 Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ

7.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN; Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị làm việc chính thức (Mẫu 9), Đơn đề nghị làm việc kiêm nhiệm (Mẫu 10) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.881.706 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.750.578 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 131.628 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7%.

8. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ

8.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Đơn giản hóa thành phần hồ sơ:* Bỏ thành phần hồ sơ là Sơ yếu lý lịch có xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc trước khi chuyển sang làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN).

- Bỏ các thông tin về ngày sinh, giới tính, địa chỉ thường trú và bổ sung số định danh cá nhân quy định tại Đơn đề nghị làm việc chính thức (Mẫu 9), Đơn đề nghị làm việc kiêm nhiệm (Mẫu 10) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

Lý do: Có sự chồng chéo, mâu thuẫn với quy định tại mục II.3 Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ

8.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN; Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị làm việc chính thức (Mẫu 9), Đơn đề nghị làm việc kiêm nhiệm (Mẫu 10) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.881.706 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.750.578 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 131.628 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7%.

9. Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp

9.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Đơn giản hóa thành phần hồ sơ:* Bỏ thành phần hồ sơ là Sơ yếu lý lịch quy định tại khoản 3 Điều 7 và bổ sung số định danh cá nhân tại công văn đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của Thủ trưởng đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 35/2014/TT-BKHCN ngày 11/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về giám định tư pháp trong hoạt động khoa học và công nghệ.

Lý do: Có sự chồng chéo, mâu thuẫn với quy định tại mục II.5 Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ

9.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 1 và 3 Điều 7 Thông tư số 35/2014/TT-BKHCN ngày 11/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về giám định tư pháp trong hoạt động khoa học và công nghệ.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 429.380 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 385.504 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 43.876 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

VI. SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp

1. Thủ tục Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Về thời gian giải quyết: Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày làm việc xuống 18 ngày làm việc (giảm 02 ngày làm việc).

Lý do: Qua quá trình giải quyết thủ tục hành chính giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong 20 ngày là dài so với thực tế. Đề nghị giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày làm việc xuống 18 ngày làm việc

1.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Khoản 4, Điều 11, Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 02 ngày công. 02 ngày x 250.000 đ = 500.000đ
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 02 ngày công 500.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 500.000 đồng .
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%
- Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính.

2. Thủ tục chia, tách, sáp, nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

Về thời gian giải quyết: Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày làm việc xuống 28 ngày làm việc (giảm 02 ngày làm việc).

Lý do: Qua quá trình giải quyết thủ tục hành chính chia, tách, sáp, nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong 30 ngày là còn dài so với thực tế. Đề nghị giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc xuống 28 ngày làm việc

2.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Khoản 4, Điều 17, Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/2/2019 của Chính phủ

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 02 ngày công. 02 ngày x 250.000 đ = 500.000đ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 02 ngày công 500.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 500.000 đồng .

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%

- Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính.

3. Thủ tục Công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật.

3.1 Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ Thủ tục Công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật.

- *Lý do:* Từ khi ban hành thủ tục đến nay chưa phát sinh hồ sơ.

3.2 Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh ban hành tại Quyết định số 220/QĐ-LĐTBXH ngày 27/02/2019 về việc công bố công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thực hiện theo đường công văn (văn bản đến nếu có phát sinh hồ sơ).

3.3 Lợi ích của phương án đơn giản hóa: Nhằm cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt.

4. Thủ tục Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào các cơ sở trợ giúp trẻ em.

4.1 Nội dung đơn giản hóa: Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào các cơ sở trợ giúp trẻ em.

- *Lý do:* Từ khi ban hành thủ tục đến nay chưa phát sinh hồ sơ.

4.2 Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị bãi bỏ thủ tục hành chính tại Quyết định số 101/QĐ-LĐTBXH ngày 22/01/2016 về việc công bố công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thực hiện theo đường công văn (văn bản đến nếu có phát sinh hồ sơ).

4.3 Lợi ích của phương án đơn giản hóa: Nhằm cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt.

5. Thủ tục Đưa đối tượng ra khỏi cơ sở trợ giúp trẻ em.

5.1 Nội dung đơn giản hóa: Đưa đối tượng ra khỏi cơ sở trợ giúp trẻ em.

- *Lý do:* Từ khi ban hành thủ tục đến nay chưa phát sinh hồ sơ.

5.2 Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh ban hành 101/QĐ-LĐTBXH ngày 22/01/2016 về việc công bố công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thực hiện theo đường công văn (văn bản đến nếu có phát sinh hồ sơ).

5.3 Lợi ích của phương án đơn giản hóa: Nhằm cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt.

6. Tên thủ tục Nghỉ chịu tang của học viên tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - lao động xã hội.

6.1. Nội dung đơn giản hóa: Sửa đổi tên thủ tục “Nghỉ chịu tang của học viên tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - lao động xã hội” thành “Nghỉ chịu tang của học viên tại Cơ sở Cai nghiện ma túy”.

Lý do: Tại Điều 33 Nghị định 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 về quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở cai nghiện bắt buộc (không còn Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - lao động xã hội) nên đề nghị đổi tên cho phù hợp với quy định thực tế.

6.2. Kiến nghị thực thi: Bổ sung căn cứ pháp lý Nghị định 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 về quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong Quyết định số 1724/QĐ-LĐTBXH ngày 24/11/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Để thống nhất thực hiện theo đúng quy định hiện hành trên toàn quốc.

7. Tên thủ tục Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

7.1. Nội dung đơn giản hóa

Về thời gian giải quyết: Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết từ 22 ngày làm việc xuống 18 ngày làm việc (giảm 04 ngày làm việc).

Lý do: Qua quá trình giải quyết thủ tục hành chính trong 22 ngày là dài so với thực tế. Đề nghị giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 22 ngày làm việc xuống 18 ngày làm việc.

7.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị định số 09/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi

hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người (rút ngắn thời gian thẩm định hồ sơ từ 22 ngày còn 18 ngày).

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 04 ngày công. 04 ngày x 250.000 đ = 1.000.000đ
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 04 ngày công 1.000.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 1.000.000 đồng .
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18%
- Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính.

8. Tên thủ tục Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

8.1. Nội dung đơn giản hóa

Về thời gian giải quyết: Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết từ 17 ngày làm việc xuống 14 ngày làm việc (giảm 03 ngày làm việc).

Lý do: Qua quá trình giải quyết thủ tục hành chính trong 17 ngày là dài so với thực tế. Đề nghị giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 17 ngày làm việc xuống 14 ngày làm việc

8.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điều 12, Nghị định số 09/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người (rút ngắn thời gian thẩm định hồ sơ từ 17 ngày còn 14 ngày).

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 03 ngày công. 03 ngày x 250.000 đ = 750.000đ
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 03 ngày công 750.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 750.000 đồng .
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18%
- Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính.

9. Tên thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân

9.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm thời hạn giải quyết:* Từ 14 ngày xuống còn 12 ngày;
- *Lý do:* Qua quá trình giải quyết thủ tục hành chính trong 14 ngày là dài so với thực tế. Đề nghị giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 14 ngày làm việc xuống 12 ngày làm việc.

9.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điều 11, Nghị định số 09/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người (rút ngắn thời gian thẩm định hồ sơ từ 14 ngày còn 12 ngày)

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 02 ngày công. 02 ngày x 250.000 đ = 500.000đ
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 02 ngày công 500.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 500.000 đồng .
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14%
- Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính.

10. Tên thủ tục Gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

10.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm thời hạn giải quyết:* Từ 14 ngày xuống còn 12 ngày;
- *Lý do:* Qua quá trình giải quyết thủ tục hành chính trong 14 ngày là dài so với thực tế. Đề nghị giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 14 ngày làm việc xuống 12 ngày làm việc.

10.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điều 13, Nghị định số 09/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người (rút ngắn thời gian thẩm định hồ sơ từ 14 ngày còn 12 ngày).

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 02 ngày công. 02 ngày x 250.000 đ = 500.000đ
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 02 ngày công 500.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 500.000 đồng .
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14%
- Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính.

11. Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động

11.1 Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ Thủ tục Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.

- *Lý do:* Từ khi ban hành thủ tục đến nay chưa phát sinh hồ sơ.

11.2 Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh ban hành tại Quyết định số 1872/QĐ-LĐTBXH ngày 04/12/2017 về việc công bố công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thực hiện theo đường công văn (văn bản đến nếu có phát sinh hồ sơ).

11.3 Lợi ích của phương án đơn giản hóa: Nhằm cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt.

12. Thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động

12.1 Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ Thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động

- Lý do: Từ khi ban hành thủ tục đến nay chưa phát sinh hồ sơ.

12.2 Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh ban hành tại Quyết định số 1107/QĐ-LĐTBXH ngày 16/9/2020 về việc công bố công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thực hiện theo đường công văn (văn bản đến nếu có phát sinh hồ sơ).

12.3 Lợi ích của phương án đơn giản hóa: Nhằm cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt.

13. Thủ tục hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp

13.1 Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ Thủ tục hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp

- Lý do: Từ khi ban hành thủ tục đến nay chưa phát sinh hồ sơ.

13.2 Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh ban hành tại Quyết định số 1107/QĐ-LĐTBXH ngày 16/9/2020 về việc công bố công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thực hiện theo đường công văn (văn bản đến nếu có phát sinh hồ sơ).

13.3 Lợi ích của phương án đơn giản hóa: Nhằm cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt.

14. Thủ tục Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II, hạng III)

14.1 Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ Thủ tục Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II, hạng III

- Lý do: Ba năm công ty mới nộp hồ sơ một lần, không thường xuyên phát sinh hồ sơ.

14.2 Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh ban hành tại Quyết định số 1255/QĐ-LĐTBXH ngày 11/8/2017 về việc công bố công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thực hiện theo đường công văn (văn bản đến nếu có phát sinh hồ sơ).

14.3 Lợi ích của phương án đơn giản hóa: Nhằm cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt.

B.THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội

1. Tên thủ tục Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng.

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Đơn giản hóa quy định hành chính:* Bãi bỏ/hủy bỏ bước 3; Sửa đổi, bổ sung Bước 2 thủ tục Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng như sau: trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng, Tổ công tác có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ, lập danh sách đối tượng tự nguyện cai nghiện và làm văn bản trình chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng.

- *Về thời gian giải quyết:* Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết từ 6 ngày làm việc xuống 3 ngày làm việc (giảm 03 ngày làm việc).

Lý do: Qua quá trình giải quyết thủ tục hành chính trong 6 ngày là dài so với thực tế. Đề nghị giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 6 ngày làm việc xuống 3 ngày làm việc

Tạo điều kiện thuận lợi cho người nghiện ma túy hoặc gia đình, người giám hộ của người nghiện ma túy chưa thành niên về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính.

1.2. Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ khoản 2, Điều 14, Nghị định số 94/2010/NĐ - CP ngày 09/09/2020 của Chính phủ

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 03 ngày công. 03 ngày x 250.000 đ = 750.000đ
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 03 ngày công 750.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 750.000 đồng .
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

VII. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

A. Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y

1. Thủ tục Cấp, cấp lại giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Đề nghị tích hợp mẫu đơn đề nghị và bản thuyết minh tại

- Hiện tại đang gồm mẫu đơn đề nghị và bản thuyết minh (02 mẫu riêng biệt). Đề nghị tích hợp chung thành 01 mẫu.

- Một số thông tin tại 02 mẫu này còn trùng lặp như: tên cơ sở, địa chỉ, số điện thoại, giấy đăng ký kinh doanh,...

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT:

Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y để quy định lại về hồ sơ thực hiện. Do hiện tại đang gồm mẫu đơn đề nghị và bản thuyết minh (02 mẫu riêng biệt). Đề nghị tích hợp chung thành 01 mẫu đơn đối với thủ tục: Cấp, cấp lại giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y.

- Kiến nghị UBND tỉnh xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết thủ tục nêu trên, cụ thể:

- Tích hợp chung thành 01 mẫu đơn đối với thủ tục: Cấp, cấp lại giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa 03 tờ/bộ hồ sơ, chi phí = 03 tờ x 3000đ/ tờ²⁵ = 9.000đ/bộ hồ sơ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa 02 tờ/bộ hồ sơ, chi phí = 02 tờ x 3000đ/ tờ = 6.000đ/bộ hồ sơ. Giảm chi phí in ấn mẫu biểu hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/01 bộ hồ sơ = 3000đ/bộ hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2020: 3000 x 17 hồ sơ = 51.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: giảm 33,3% chi phí phô tô biểu mẫu/ bộ hồ sơ.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục vì ít mẫu biểu hơn.

B. Lĩnh vực Lâm nghiệp

1. Thủ tục xác nhận bằng kê lâm sản

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm thời gian giải quyết* 01 thủ tục như sau:

Thủ tục xác nhận bằng kê lâm sản: thời gian giải quyết 10 ngày làm việc (Theo Quyết định 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là 10 ngày làm việc)

- *Lý do:* Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh, chế biến, xuất khẩu, nhập khẩu lâm sản thuộc đối tượng quy định tại Điều 6 Thông tư số 27/2018/TT- BNNPTNT biết để thực hiện thủ tục hành chính xác nhận bằng kê lâm sản theo quy định nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, chỉ tiến hành xác minh, kiểm tra nguồn gốc lâm sản đối với trường hợp phức tạp.

1.2. Kiến nghị thực thi: kiến nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT điều chỉnh sửa đổi lại thời hạn giải quyết đối với thủ tục xác nhận bằng kê lâm sản được quy định tại Quyết định 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Kiến nghị UBND tỉnh xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết thủ tục nêu trên, cụ thể:

+ Thủ tục xác nhận bằng kê lâm sản: thời gian giải quyết 8 ngày làm việc.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

²⁵ Quy định tại Thông tư 46/2018/TT-BTC ngày 15/5/2018 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết chi phí thực tế để in, sao, chụp và gửi thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Tiếp cận Thông tin

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 10 ngày (thời gian quy định) = 2.220.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân;

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 8 ngày = 1.776.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $2.220.000 - 1.776.000 = 444.000$ đồng.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2020: 444.000×171 hồ sơ = 75.924.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

2. Thủ tục Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết 01 thủ tục như sau:

Thủ tục Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES: thời gian giải quyết 25 ngày làm việc (Quy định tại Quyết định số 818/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT là 30 ngày làm việc).

- Lý do: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES đối tượng quy định tại Điều 18. Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II, III CITES của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 nhận thấy thời gian để tiến hành thẩm định theo quy định tương đối dài.

2.2. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT điều chỉnh sửa đổi lại thời hạn giải quyết đối với thủ tục nêu trên theo Quyết định số 818/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Kiến nghị UBND tỉnh xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết thủ tục nêu trên, cụ thể:

+ Thủ tục Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES: thời gian giải quyết 25 ngày làm việc.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 30 ngày (thời gian quy định) = 6.660.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân;

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 25 ngày = 5.550.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $6.660.000 - 5.550.000 = 1.110.000$ đồng.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2020: $1.110.000 \times 80$ hồ sơ = 80.800.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16.67%.

C. Lĩnh vực Phát triển nông thôn

1. Thủ tục công nhận nghề truyền thống

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết còn 25 ngày làm việc (Quy định của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định số 2767/QĐ-BNN-KTHT ngày 12/7/2018) là 30 ngày làm việc)

- Lý do: Qua quá trình rà soát, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân nhận thấy quy trình xử lý có thể rút ngắn thêm là 05 ngày thì vẫn có thể giải quyết kịp thời theo quy định.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu sửa đổi lại thời hạn giải quyết đối với thủ tục trên được quy định tại phần II quyết định số 2676/QĐ-BNN-KTHT.

- Kiến nghị UBND tỉnh xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết còn 25 ngày làm việc.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/ 1 ngày/ năm 2020 x 30 ngày (thời gian quy định)= 6.660.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/ 1 ngày/ năm 2020 x 25 ngày (thời gian giảm)= 5.550.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

- + Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $6.660.000 - 5.550.000 = 1.110.000$ đồng/hồ sơ.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16.66%
- Giảm thời gian giải quyết thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục.

2. Thủ tục Công nhận làng nghề

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết còn 25 ngày làm việc (Quy định của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định số 2767/QĐ-BNN-KTHT ngày 12/7/2018) là 30 ngày làm việc).

- Lý do: Qua quá trình rà soát, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân nhận thấy quy trình xử lý có thể rút ngắn thêm là 05 ngày thì vẫn có thể giải quyết kịp thời theo quy định.

2.2. Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu sửa đổi lại thời hạn giải quyết đối với thủ tục trên được quy định tại phần II quyết định số 2676/QĐ-BNN-KTHT.

- Kiến nghị UBND tỉnh xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết còn 25 ngày làm việc.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
 - + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/ 1 ngày/ năm 2020 x 30 ngày (thời gian quy định)= 6.660.000 đồng/1 hồ sơ.
 - Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.
 - + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/ 1 ngày/ năm 2020 x 25 ngày (thời gian giảm)= 5.550.000 đồng/1 hồ sơ.
 - Chi phí tiết kiệm:
 - + Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $6.660.000 - 5.550.000 = 1.110.000$ đồng/hồ sơ.
 - Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16.66%
 - Giảm thời gian giải quyết thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục.

3. Thủ tục công nhận làng nghề truyền thống

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục Công nhận làng nghề truyền thống: thời gian giải quyết 25 ngày làm việc (Quy định của Bộ nông nghiệp và Phát

triển nông thôn theo Quyết định số 2767/QĐ-BNN-KTHT ngày 12/7/2018) là 30 ngày làm việc)

- *Lý do:* Qua quá trình rà soát, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân nhận thấy quy trình xử lý có thể rút ngắn thêm là 05 ngày thì vẫn có thể giải quyết kịp thời theo quy định.

3.2. Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu sửa đổi lại thời hạn giải quyết đối với thủ tục trên được quy định tại phần II quyết định số 2676/QĐ-BNN-KTHT.

- Kiến nghị UBND tỉnh xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết thủ tục nêu trên còn 25 ngày làm việc.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/ 1 ngày/ năm 2020 x 30 ngày (thời gian quy định)= 6.660.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 25 ngày (thời gian giảm)= 5.550.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $6.660.000 - 5.550.000 = 1.110.000$ đồng/hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16.66%

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục.

D. Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản

1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm thời gian giải quyết* còn 17 ngày làm việc (Quy định tại Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là 18 ngày làm việc).

- *Lý do:* Qua quá trình rà soát, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân nhận thấy quy trình xử lý có thể rút ngắn thêm là 01 ngày thì vẫn có thể giải quyết kịp thời theo quy định.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT điều chỉnh sửa đổi lại thời hạn giải quyết đối với thủ tục nêu trên theo Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Kiến nghị UBND tỉnh xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết thủ tục nêu trên, cụ thể:

- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: Từ 18 ngày làm việc xuống còn 17 ngày làm việc

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/ 1 ngày/ năm 2020 x 18 ngày (thời gian quy định)= 3.996.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/ 1 ngày/ năm 2020 x 17 ngày (thời gian giảm)= 3.774.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $3.996.000 - 3.774.000 = 222.000$ đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2020: 222.000×119 hồ sơ = 26.418.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5,9%.

Đ. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật

1. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm thời gian giải quyết:* Thời hạn giải quyết là 18 ngày (Quy định của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định số Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28/02/2019) là 21 ngày làm việc)

- *Lý do:* Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật tại Thông tư số 21/2015/TT- BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Giảm thời gian giải quyết thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT điều chỉnh sửa đổi lại thời hạn giải quyết đối với thủ tục nêu trên theo Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28/02/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Kiến nghị UBND tỉnh xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết thủ tục nêu trên, cụ thể: Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật: 18 ngày làm việc.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 21 ngày (thời gian quy định)= 4.662.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 18 ngày = 3.996.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $4.662.000 - 3.966.000 = 666.000$ đồng.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2020: 666.000×30 hồ sơ = 19.980.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,29%

2. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm thời gian giải quyết thủ tục như sau:* Thời hạn giải quyết là 18 ngày (Quy định của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định số Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28/02/2019) là 21 ngày làm việc).

- *Lý do:* Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật tại Thông tư số 21/2015/TT- BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Giảm thời gian giải quyết thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục.

2.2. Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT điều chỉnh sửa đổi lại thời hạn giải quyết đối với thủ tục nêu trên theo Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28/02/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Kiến nghị UBND tỉnh xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết thủ tục nêu trên, cụ thể: Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật: 18 ngày làm việc

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 21 ngày (thời gian quy định)= 4.662.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 18 ngày = 3.996.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tiết kiệm:
- + Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 4.662.000 – 3.966.000= 666.000 đồng.
- + Chi phí tiết kiệm năm 2020: 666.000 x 219 hồ sơ= 145.854.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,29%

E. Lĩnh vực Thủy sản

1. Thủ tục Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết 01 thủ tục:

Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài): Thời gian giải quyết 09 ngày làm việc (Theo Quyết định 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT là 10 ngày làm việc).

- Lý do: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) quy định tại Điều 28 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP biết để thực hiện thủ tục hành chính Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) theo quy định nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, chỉ tiến hành kiểm tra điều kiện của cơ sở sản xuất và lập biên bản kiểm tra theo Mẫu số 13.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT điều chỉnh sửa đổi lại thời hạn giải quyết đối với thủ tục Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư

nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) được quy định tại Quyết định 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Kiến nghị UBND tỉnh xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết thủ tục nêu trên, cụ thể: Thủ tục Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài): Thời gian giải quyết 09 ngày làm việc.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 10 ngày (thời gian quy định) = 2.220.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 9 ngày = 1.998.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $2.220.000 - 1.998.000 = 222.000$ đồng.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2020: 222.000×7 hồ sơ = 1.554.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

2. Thủ tục Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết 01 thủ tục:

Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ): Thời gian giải quyết 09 ngày làm việc (Theo Quyết định 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT là 10 ngày làm việc).

- Lý do: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ) quy định tại Điều 21 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP biết để thực hiện thủ tục hành chính Thủ tục Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ) theo quy định nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, chỉ tiến hành kiểm tra điều kiện của cơ sở sản xuất và lập biên bản kiểm tra theo Mẫu số 03.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

2.2. Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT điều chỉnh sửa đổi lại thời hạn giải quyết đối với Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ) được quy định tại Quyết định 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/04/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Kiến nghị UBND tỉnh xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết thủ tục nêu trên, cụ thể: Thủ tục Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài): Thời gian giải quyết 09 ngày làm việc.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 10 ngày (thời gian quy định) = 2.220.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 9 ngày = 1.998.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $2.220.000 - 1.998.000 = 222.000$ đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%

G. Lĩnh vực Thủy lợi

1. Thủ tục cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết 01 thủ tục như sau:

Thời gian giải quyết 12 ngày làm việc (Theo Quyết định 4838/QĐ-BNN-TCLL ngày 22/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT là 15 ngày làm việc).

- Lý do: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, chỉ tiến hành xác minh, kiểm tra đối với trường hợp phức tạp.

1.2. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT điều chỉnh sửa đổi lại thời hạn giải quyết đối với thủ tục cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh được quy định theo Quyết định 4838/QĐ-BNN-TCLL ngày 22/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục

hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết thủ tục nêu trên, cụ thể:

+ Thủ tục cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh: Thời gian giải quyết 12 ngày làm việc.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 15 ngày (thời gian quy định) = 3.330.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 12 ngày = 2.664.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 3.330.000 đồng – 2.664.000 đồng = 666.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%

VIII. SỞ TÀI CHÍNH

1. Thủ tục Mua quyền hóa đơn trong lĩnh vực quản lý công sản (Mã số: 1.005434)

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục, 01 ngày: Từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc.

- Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Tài chính

1.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, phê duyệt điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại Điều 97 Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 242.110 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020)²⁶ x 05 ngày (thời gian quy định) = 1.210.550 đồng/1 hồ sơ.

²⁶ (Theo Niên giám thống kê năm 2020 do GSO ban hành, GDP bình quân đầu người đạt 2.779 USD (tương đương khoảng 63.917.000 đồng). Như vậy, thu nhập bình quân đầu 1 người/1 ngày năm 2020 khoảng 242.110 đồng).

+ Tổng cộng năm 2020: 1.210.550 đồng x 01 (hồ sơ phát sinh năm 2020)
= 1.210.550 đồng

- Chi phí tuân thủ TTTC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 242.110 đồng x 04 ngày
= 968.440 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2020: 968.440 đồng x 01 = 968.440 đồng

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 1.210.550 – 968.440 = 242.110 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm/năm: 242.110 đồng

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%

IX. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

A. CẤP TỈNH

Lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo

1. Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục (đối với người khuyết tật là học sinh THPT học tại cơ sở giáo dục công lập)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- *Về thành phần hồ sơ:* Thay thế quy định nộp Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước (bản sao có công chứng) và Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do UBND cấp xã, phường, thị trấn cấp (bản sao có công chứng) thành bản sao kèm bản chính để đối chiếu.

- *Lý do:* Yêu cầu nộp “*Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước (bản sao có công chứng)*” và “*Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do UBND cấp xã, phường, thị trấn cấp (bản sao có công chứng)*” là không cần thiết, vì để xác thực bản sao thì cán bộ của cơ quan hành chính chỉ cần kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính là đủ. Trong khi đó, nếu đặt ra yêu cầu này sẽ làm cho cá nhân phải mất thời gian và chi phí thực hiện thêm thủ tục hành chính Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại tiết 1 Điểm a Khoản 1 Điều 8 Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật. Cụ thể: “*Bản sao kèm*

bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước”.

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại tiết 2 Điểm a Khoản 1 Điều 8 Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật. Cụ thể: *“Bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do UBND cấp xã, phường, thị trấn cấp”.*

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tổng chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 79.245.880 đồng/năm.

- Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 52.635.920 đồng/năm.

- Tổng chi phí tiết kiệm: 26.609.960 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm sau đơn giản hóa: 33,58%.

2. Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Sửa đổi thành phần hồ sơ “bằng tốt nghiệp cấp học dưới bản công chứng” thành “bản sao bằng tốt nghiệp cấp học dưới”.

- *Lý do:* Việc yêu cầu nộp bản sao chứng thực gây phiền hà, tốn kém cho người dân, lãng phí cho xã hội, tạo áp lực, quá tải đối với cơ quan thực hiện công tác chứng thực.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 5 Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh trung học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông quy định “bằng tốt nghiệp cấp học dưới bản công chứng” thành “bản sao bằng tốt nghiệp cấp học dưới”.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 159.390.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 136.620.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 22.770.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,29 %.

3. Thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- *Giảm thời gian giải quyết, cụ thể:* Tại Điểm b, khoản Điều 47, Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định: *“Trong thời hạn 10*

ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học có trách nhiệm thẩm định, kiểm tra các điều kiện theo quy định" Đề nghị rút ngắn thời gian thẩm định hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 08 ngày.

- *Lý do:* Nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân không phải đi lại để giải quyết thủ tục hành chính nhiều lần, rút ngắn được chi phí thời gian và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý cho cơ quan quản lý nhà nước;

3.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại điểm b, khoản Điều 47, Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 02 ngày công (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả). $02 \text{ ngày} \times 250.000 \text{ đ} = 500.000 \text{ đ}$
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 01 ngày công 250.000 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 250.000 đồng (01 lượt tuân thủ).
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

4. Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- *Giảm thời gian giải quyết, cụ thể:* Tại điểm c, khoản 3 Điều 49, Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định: "*Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định trên thực tế khả năng đáp ứng các điều kiện theo quy định và ghi kết quả vào biên bản thẩm định*". Đề nghị rút ngắn thời gian thẩm định hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 08 ngày

- *Lý do:* Nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân không phải đi lại để giải quyết thủ tục hành chính nhiều lần, rút ngắn được chi phí thời gian và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý cho cơ quan quản lý nhà nước;

4.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại điểm c, khoản 3 Điều 49, Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 02 ngày công (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả). $02 \text{ ngày} \times 250.000 \text{ đ} = 500.000 \text{ đ}$
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 01 ngày công 250.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 250.000 đồng (01 lượt tuân thủ).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

5. Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học

5.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính* (từ 15 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và hợp lệ).

- *Lý do:* Nhằm cắt giảm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

5.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Khoản 3, Điều 108, Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 02 ngày công (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả). 02 ngày x 250.000 đ = 500.000đ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 01 ngày công 250.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 250.000 đồng (01 lượt tuân thủ).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

6. Thành lập, cho phép thành lập trường trung học công lập hoặc cho phép thành lập trường phổ thông tư thục

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- *Giảm thời gian giải quyết:* Tại điểm c khoản 3 Điều 26, Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định: "Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường; nếu chưa quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường thì có văn bản thông báo cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ và tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường nêu rõ lý do". Đề nghị rút ngắn thời gian thẩm định hồ sơ và ra Quyết định từ 20 ngày xuống còn 18 ngày

- *Lý do:* Nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân không phải đi lại để giải quyết thủ tục hành chính nhiều lần, rút ngắn được chi phí thời gian và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý cho cơ quan quản lý nhà nước;

6.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 11 Thông tư 12/2011/TT-BGD&ĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ GD&ĐT và điểm c khoản 3 Điều 26 của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017

6.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2 ngày công (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả). 02 ngày x 250.000 đ = 500.000đ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 01 ngày công 250.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 250.000 đồng (01 lượt tuân thủ).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

Lĩnh vực: Hệ thống văn bằng, chứng chỉ

7. Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- *Sửa đổi thành phần hồ sơ*: “Bản chính hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng để người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra” thành “Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng để người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra”.

- *Lý do*: Việc yêu cầu nộp bản sao chứng thực gây phiền hà, tốn kém cho người dân, lãng phí cho xã hội, tạo áp lực, quá tải đối với cơ quan thực hiện công tác chứng thực; trái với quy định tại Điều 6 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, quy định "

7.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 31 Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 79.695.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 56.925.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 22.770.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,57 %.

8. Chính sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- *Sửa đổi thành phần hồ sơ* “Các tài liệu trong hồ sơ đề nghị chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản này là bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính” thành “Các tài liệu trong hồ sơ đề nghị chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản này là bản sao”.

- *Lý do*: Việc yêu cầu nộp bản sao từ sổ gốc, bản sao chứng thực gây phiền hà, tốn kém cho người dân, lãng phí cho xã hội, tạo áp lực, quá tải đối với cơ quan thực hiện công tác chứng thực; trái với quy định tại Điều 6 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, quy định "

8.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi điểm đ khoản 1 Điều 23 Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 37.950.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 17.710.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 20.240.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 53,33 %.

B. CẤP HUYỆN

Lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo

1. Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính.

- *Lý do:* Hàng năm vào đầu tháng 8 các cơ sở giáo dục mầm non tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu thành phần hồ sơ nộp là bản sao chưa có chứng thực của cấp có thẩm quyền, người nhận hồ sơ có trách nhiệm đối chiếu với bản chính, ký xác nhận vào bản sao để đưa vào hồ sơ, yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định. Ngoài ra đối với thủ tục này liên quan đến tài chính và chuyên môn của Phòng GDĐT. Đồng thời cũng giảm bớt việc đi lại cho cá nhân, tổ chức và giảm bớt khó khăn cho người phụ trách nhận hồ sơ tại bộ phận một cửa cấp huyện.

1.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Quyết định 296/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện, UBND xã tỉnh Đồng Nai.

2. Hỗ trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính.

- *Lý do:* Hàng năm vào đầu tháng 8 các cơ sở giáo dục mầm non tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu thành phần hồ sơ nộp là bản sao chưa có chứng thực của cấp có thẩm quyền, người nhận hồ sơ có trách nhiệm đối chiếu với bản chính, ký xác nhận vào bản sao để đưa vào hồ sơ, yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định. Ngoài ra đối với thủ tục này liên quan đến tài chính và chuyên môn của Phòng GDĐT. Đồng thời cũng giảm bớt

việc đi lại cho cá nhân, tổ chức và giảm bớt khó khăn cho người phụ trách nhận hồ sơ tại bộ phận một cửa cấp huyện.

2.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Quyết định 296/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện, UBND xã tỉnh Đồng Nai.

3. Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh THCS, sinh viên các dân tộc thiểu số ít người

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính.

- *Lý do:* Hàng năm vào đầu tháng 8 các cơ sở giáo dục mầm non tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu thành phần hồ sơ nộp là bản sao chưa có chứng thực của cấp có thẩm quyền, người nhận hồ sơ có trách nhiệm đối chiếu với bản chính, ký xác nhận vào bản sao để đưa vào hồ sơ, yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định. Ngoài ra đối với thủ tục này liên quan đến tài chính và chuyên môn của Phòng GDĐT. Đồng thời cũng giảm bớt việc đi lại cho cá nhân, tổ chức và giảm bớt khó khăn cho người phụ trách nhận hồ sơ tại bộ phận một cửa cấp huyện.

3.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Quyết định 296/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện, UBND xã tỉnh Đồng Nai.

X. SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

THỦ TỤC CẤP TỈNH

A. Lĩnh vực phát thanh truyền hình – thông tin điện tử

1. Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm thời gian giải quyết* như sau: từ 15 ngày xuống còn 7 ngày làm việc.

- *Lý do:* qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính, Sở nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản gồm: tờ khai đăng ký; bản sao có chứng thực kèm theo bản gốc để đối chiếu các loại giấy tờ: giấy phép thành lập; giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; văn bản thuê, mượn địa điểm lắp đặt thiết bị; giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp... Ngoài ra, thực tế những năm gần đây, thủ tục hành chính này ít phát sinh hồ sơ. Vì vậy, có thể rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện cho cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, đề xuất Chính phủ giảm thời gian giải quyết đối với thủ tục hành chính nêu trên được quy định tại khoản đ, Điều 30, Nghị định 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000đ/ngày = 3.750.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7 ngày công x 250.000đ/ngày = 1.750.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 2.000.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 53,3%

2. Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm thời gian giải quyết:* Từ 15 ngày xuống còn 7 ngày làm việc.

- Lý do: qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính, Sở nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản gồm: văn bản đề nghị gia hạn và bản sao giấy phép đã được cấp. Vì vậy, có thể rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện cho cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

2.2. Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, đề xuất Chính phủ giảm thời gian giải quyết đối với thủ tục hành chính nêu trên được quy định tại tiết b, điểm 3, khoản 15, Điều 1, Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ.

- Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu giảm thời gian giải quyết đối với thủ tục hành chính nêu trên được quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 8, Thông tư 09/2014/TT-BTTTT ngày 19/8/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000đ/ngày = 3.750.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7 ngày công x 250.000đ/ngày = 1.750.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 2.000.000 đồng + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 53,3%.

3. Lĩnh vực Bưu chính Cấp giấy phép bưu chính

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm thời gian giải quyết:* Từ 30 ngày xuống còn 15 ngày làm việc.

- *Lý do:* trong thời gian qua, đối với thủ tục cấp giấy phép bưu chính hiện chưa phát sinh hồ sơ. Vì vậy, đối với thủ tục này có thể rút ngắn thời gian giải quyết nhằm tạo điều kiện cho cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

3.2. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, đề xuất Chính phủ giảm thời gian giải quyết đối với thủ tục hành chính nêu trên được quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 8, Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 30 ngày công x 50.000đ/ngày = 7.500.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000đ/ngày = 3.750.000 đồng + Chi phí tiết kiệm: 3.750.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

4. Lĩnh vực xuất bản, in, phát hành Đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu

4.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Đơn giản hóa thành phần hồ sơ:* Bỏ thành phần hồ sơ: Hợp đồng và hóa đơn mua máy hoặc chứng từ thuê máy.

- *Lý do:* Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính, Sở nhận thấy việc cung cấp hợp đồng và hóa đơn mua máy hoặc chứng từ thuê máy cho đơn vị cấp phép là không cần thiết, vì những giấy tờ này chỉ cần thiết cho doanh nghiệp trong thực hiện việc mua bán, thanh toán.

4.2. Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, đề xuất Chính phủ Đơn giản hóa thành phần hồ sơ: Bỏ thành phần hồ sơ “hợp đồng và hóa đơn mua máy hoặc chứng từ thuê máy” của thủ tục hành chính nêu trên được quy định tại tiết b, điểm 13, khoản 17, Điều 1, Nghị định 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ.

- Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu Đơn giản hóa thành phần hồ sơ: Bỏ thành phần hồ sơ “hợp đồng và hóa đơn mua máy hoặc chứng từ thuê máy” của thủ tục hành chính nêu trên được quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 10, Thông tư 03/2015/TTBTTT ngày 06/3/2015.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thành phần hồ sơ cho các cơ quan, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Chi phí tiết kiệm: tiết kiệm giấy tờ, thời gian thực hiện thủ tục.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 01 thành phần hồ sơ

THỦ TỤC CẤP HUYỆN

A. Lĩnh vực xuất bản, in và phát hành

1. Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy

1.2. Nội dung đơn giản hóa:

- *Đề nghị bãi bỏ* việc “khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy” ra khỏi bộ thủ tục hành chính.

- *Lý do:* Hoạt động “khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy” chỉ là việc thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước biết để quản lý; hồ sơ chỉ gồm tờ khai đăng ký, không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính (có hồ sơ “đầu vào” nhưng không có kết quả “đầu ra”).

1.2. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, đề xuất Chính phủ bãi bỏ thủ tục hành chính nêu trên được quy định tại khoản 1, 2 Điều 25 Nghị định 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2018 của Chính phủ 4.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC: Bãi bỏ thủ tục hành chính không cần thiết, tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp.

2. Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- *Đề nghị bãi bỏ* việc “thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy” ra khỏi bộ thủ tục hành chính.

- *Lý do:* Hoạt động “thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy” chỉ là việc thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước biết để quản lý; hồ sơ chỉ gồm tờ khai đăng ký, không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính (có hồ sơ “đầu vào” nhưng không có kết quả “đầu ra”).

2.2. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, đề xuất Chính phủ bãi bỏ thủ tục hành chính nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2018 của Chính phủ

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC: Bãi bỏ thủ tục hành chính không cần thiết, tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp

XI. SỞ XÂY DỰNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- *Đề xuất đơn giản hóa thành phần hồ sơ:* Sửa đổi, bổ sung yêu cầu quy định về thành phần hồ sơ

- *Lý do:* Khi xem xét cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài không quy định tiêu chí đánh giá đối với các nội dung trong bảng “Báo cáo các công việc/Dự án đã thực hiện trong 03 năm gần nhất” và kết quả kiểm toán 03 năm gần nhất của nhà thầu. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi nhất

cho cá nhân, tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4) hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Thẩm quyền đơn giản hóa:

+ *Bộ Xây dựng:*

Đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, bãi Đơn giản hóa thành phần hồ sơ: Bỏ thành phần hồ sơ tại Mục 9.3 (thành phần, số lượng hồ sơ), Thủ tục số 9- Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C; tại Mục B thuộc Phần II (Thủ tục hành chính cấp tỉnh) quy định tại Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng, cụ thể bãi bỏ 02 loại tài liệu trong thành phần hồ sơ nộp thực hiện TTHC:

+ Báo cáo các công việc/Dự án đã thực hiện trong 03 năm gần nhất.

+ Kết quả kiểm toán 03 năm gần nhất của nhà thầu.

+ *UBND tỉnh:* Căn cứ các nội dung sau khi được Bộ Xây dựng sửa đổi tại Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 để sửa đổi Quyết định công bố thủ tục hành chính của tỉnh.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.000.000 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 2.000.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,5%.

2. Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- *Giảm 01 ngày, thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính:* Từ không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn không quá 04 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- *Lý do:* Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Xây dựng

2.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Xây dựng.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
 - + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng²⁷ (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 5 ngày (thời gian quy định) = 1.275.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:
 - + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng x 4 ngày = 1.020.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tiết kiệm:
 - + Chi phí tiết kiệm: 1.275.000 đồng- 1.020.000 đồng= 255.000 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

3. Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng

- Đề xuất nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính
- Lý do: Trong 04 năm gần nhất không có hồ sơ phát sinh
- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Xây dựng

4. Thủ tục đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động

- Đề xuất nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính
- Lý do: Trong 04 năm gần nhất không có hồ sơ phát sinh
- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Xây dựng

5. Thủ tục Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp xây dựng do UBND cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin

- Đề xuất nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính
- Lý do: Trong 04 năm gần nhất không có hồ sơ phát sinh
- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Xây dựng

6. Thủ tục Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới Bất động sản

- Đề xuất nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính
- Lý do: Trong 04 năm gần nhất không có hồ sơ phát sinh
- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Xây dựng

²⁷ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2020 theo giá hiện hành đạt khoảng 5,621 triệu đồng/tháng (theo Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020 của Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai).

7. Thủ tục Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản: Do bị mất, bị rách, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng; do hết hạn (hoặc gần hết hạn)

- Đề xuất nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính
- Lý do: Trong 04 năm gần nhất không có hồ sơ phát sinh
- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Xây dựng

8. Thủ tục Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm 03 ngày, thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính: Từ 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn Thời gian thẩm định không quá 17 ngày.

- Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện hồ sơ, tiết kiệm chi phí thực tế khi thực hiện các công trình, dự án.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Xây dựng

8.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
 - + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 20 ngày (thời gian quy định) = 5.100.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:
 - + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng x 17 ngày = 4.335.000/1 hồ sơ.
- Chi phí tiết kiệm: 5.100.000 đồng- 4.335.000 đồng= 765.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15%.

9. Thủ tục Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

9.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm 03 ngày, thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính: Từ 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn Thời gian thẩm định không quá 22 ngày.

- *Lý do:* Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện hồ sơ, tiết kiệm chi phí thực tế khi thực hiện các công trình, dự án.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Xây dựng

9.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 25 ngày (thời gian quy định) = 6.375.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng x 22 ngày = 5.610.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm: 6.375.000 đồng - 5.610.000 đồng = 765.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12%.

10. Thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

10.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm 05 ngày, thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính: Từ không quá 25 ngày đối với dự án nhóm B xuống còn không quá 20 ngày đối với dự án nhóm B.

- *Lý do:* Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện hồ sơ, tiết kiệm chi phí thực tế khi thực hiện các công trình, dự án.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Xây dựng

10.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Xây dựng.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 25 ngày (thời gian quy định) = 6.375.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng x 2 ngày = 5.100.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm: 6.375.000 đồng- 5. 100.000 đồng= 1.275.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

11. Thủ tục thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

11.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính:

+ Giảm 5 ngày Đối với công trình cấp II và cấp III.

+ Giảm 2 ngày Đối với các công trình còn lại.

- Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Xây dựng

11.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Xây dựng.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tiết kiệm sau khi đơn giản hóa:

+ Giảm 5 ngày Đối với công trình cấp II và cấp III.

Chi phí tiết kiệm thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 5 ngày (thời gian quy định) = 1.275.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Giảm 2 ngày đối với các công trình còn lại:

Chi phí tiết kiệm thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 2 ngày (thời gian quy định)= 510.000 đồng/1 hồ sơ.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm 01 ngày, thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính: Từ không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn không quá 04 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Xây dựng

1.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 5 ngày (thời gian quy định) = 1.275.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng x 4 ngày = 1.020.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm: 1.275.000 đồng- 1.020.000 đồng= 255.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

XII. SỞ CÔNG THƯƠNG

1. Nhóm 03 thủ tục: *Cấp mới, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động điện lực các lĩnh vực: Tư vấn, giám sát chuyên ngành điện; Phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV; Bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương; Phát điện công suất đến 03 MW tại địa phương*

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- *Giảm thời gian xử lý thủ tục:* Từ 15 ngày xuống 12 ngày đối với thủ tục cấp mới; Giảm thời gian xử lý thủ tục từ 07 ngày xuống 06 ngày đối với thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung

Lý do: UBND tỉnh có Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 17/6/2021 về việc ủy quyền cho Sở Công Thương thực hiện cấp Giấy phép hoạt động điện lực.

- *Đề xuất nâng mức độ xử lý hồ sơ trực tuyến:* Tất cả các thủ tục hành chính lĩnh vực Điện bao gồm cả cấp mới, cấp sửa đổi, bổ sung lên cấp độ 4.

Lý do:

+ Hỗ trợ doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép giảm thời gian xử lý thủ tục hành chính, giảm các chi phí không cần thiết;

+ Các điều kiện về hạ tầng kết nối giữa doanh nghiệp và Sở Công Thương được nâng lên (do áp dụng công nghệ);

+ Đáp ứng nhu cầu và trình độ, kỹ thuật của doanh nghiệp được nâng cao;

+ Đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp là sớm đưa các sản phẩm, dịch vụ vào phục vụ xã hội và người dân; Nâng cao hiệu quả kinh tế, sức cạnh tranh, trình độ khoa học, kỹ thuật của doanh nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi

Bổ sung khoản 2 Điều 12 Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương như sau: “Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực

thuộc Trung ương cấp hoặc ủy quyền cho Sở Công Thương cấp giấy phép hoạt động điện lực” đối với các lĩnh vực sau:

- Hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03 MW đặt tại địa phương;

- Hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương;

- Hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương;

- Tư vấn chuyên ngành điện lực, bao gồm:

- + Tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương.

- + Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương...

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

a) Đối với thủ tục cấp mới

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

- + Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày/năm 2020) x 15 ngày (thời gian quy định) = 3.825.000 đồng.

- + Tổng cộng hồ sơ năm 2020: 3.825.000 đồng x 19 (hồ sơ phát sinh năm 2020) = 72.675.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

- + Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày/năm 2020) x 12 ngày (thời gian quy định) = 3.060.000 đồng.

- + Tổng cộng hồ sơ năm 2020: 3.060.000 đồng x 19 (hồ sơ phát sinh năm 2020) = 58.140.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

- + Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: (72.675.000 đồng - 58.140.000 đồng)/19 hồ sơ = 765.000 đồng.

- + Chi phí tiết kiệm năm 2020: 765.000 đồng x 19 hồ sơ = 14.535.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%

b) Đối với thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

- + Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày/năm 2020) x 07 ngày (thời gian quy định) = 1.785.000 đồng.

- + Tổng cộng hồ sơ năm 2020: 1.785.000 đồng x 04 (hồ sơ phát sinh năm 2020) = 7.140.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày/năm 2020) x 06 ngày (thời gian quy định) = 1.530.000 đồng.

+ Tổng cộng hồ sơ năm 2020: 1.530.000 đồng x 04 (hồ sơ phát sinh năm 2020) = 6.120.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: (7.140.000 đồng - 6.120.000 đồng)/04 hồ sơ = 255.000 đồng.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2020: 255.000 đồng x 04 hồ sơ = 1.020.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14%

2. Nhóm 04 thủ tục: Cấp mới, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp và cấp mới, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

2.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Đơn giản hóa thành phần hồ sơ

Cụ thể, thay “Bản sao hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP của Chính phủ” bằng “Bản sao quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân” trong thành phần hồ sơ”

Lý do: Hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định tại Điều 9 và khoản 4 Điều 34 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định:

- Giao cho chủ doanh nghiệp hoạt động hóa chất chịu trách nhiệm về chất lượng huấn luyện và duy trì các điều kiện an toàn trong quá trình hoạt động;

- Nội dung huấn luyện đã quy định chung;

- Đơn giản hóa thủ tục cấp giấy chứng nhận và chuyển sang giám sát hoạt động và tăng cường công tác hậu kiểm.

b) Việc bỏ đầu mục hồ sơ

“01 bộ hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ” trong thành phần, số lượng hồ sơ cấp mới, cấp điều chỉnh sẽ góp phần giảm thành phần, số lượng hồ sơ phải nộp của doanh nghiệp (trung bình 01 bộ hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ” dày khoảng 150-200 trang); Giảm thời gian, chi phí và tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc thực hiện TTHC, đồng thời giảm hồ sơ lưu trữ tại cơ quan Sở Công Thương.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm h, khoản 1 Điều 10 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ như sau: “*Bản sao quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân*”;

- Sửa đổi điểm i, khoản 2 Điều 10 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ như sau: “*Bản sao quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân*”.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm thời gian, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục cấp mới, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp và cấp mới, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp ngành Công Thương;

- Giảm hồ sơ lưu trữ tại Sở Công Thương;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa (01 bộ hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất của doanh nghiệp khoảng 100.000 đồng/01 bộ hồ sơ): số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa 50 tờ/01 bộ hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất, chi phí = 50 tờ x 2.000 đồng/tờ = 100.000 đồng/01 bộ hồ sơ;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 0 đồng;

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ = 100.000 đồng/01 bộ hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2020: 100.000 đồng x 65 (hồ sơ phát sinh năm 2020) = 6.500.000 đồng./.